

CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
TẠI HÀ NAM



HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ “KÝ TÚC XÁ NHÂN VIÊN CỦA CHI NHÁNH
CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM”

Tại phường Bạch Thượng, Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị xã
Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Hà Nam, năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500150543 do Phòng Đăng ký kinh doanh số Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 4 năm 2019.

Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

CT 728029

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



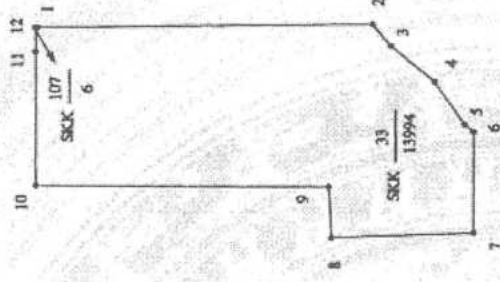
3513333190059201

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

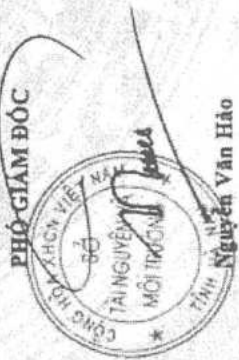
1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 33, tờ bản đồ số: 9; Khu công nghiệp Đồng Văn I, xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- b) Thửa đất số: 107, tờ bản đồ số: 1; Khu công nghiệp Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
- c) Diện tích: 14000 m², (bằng chữ: Mười bốn nghìn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 14000 m²; chung: không
- đ) Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 18 tháng 10 năm 2056
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú: Diện tích cụ thể: Xã Bạch Thượng: 13994 m²; thị trấn Đồng Văn: 6 m²

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Hà Nam, ngày 25 tháng 11 năm 2019
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
 TUỖ, CHỦ TỊCH
 KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: CT05920

Số hiệu thửa đất	BẢNG KÊ TỌA ĐỘ			Chiều dài (m)
	Hệ tọa độ VN 2000			
	X	Y		
1	2285172.00	596343.89		
2	2285025.52	596346.13		146.50
3	2285017.74	596336.38		12.48
4	2284998.20	596220.69		25.06
5	2284985.20	596301.79		22.94
6	2284981.39	596398.36		3.12
7	2284981.31	596337.60		44.76
8	2285042.93	596351.33		61.66
9	2285004.13	596373.72		22.40
10	2285172.43	596373.72		128.30
11	2285172.91	596332.99		29.17
12	2285173.00	596343.87		10.95
1	2285172.00	596343.89		1.00

Số: 51/QĐ - BQLCKCN

Hà Nam, ngày 26 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2017, Văn bản số 225/VPUB-TH ngày 28/02/2017 và Văn bản số 02/UBND-TH ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BQL ngày 01/02/2019 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng ký túc xá nhân viên của Công ty Honda Việt Nam” (giai đoạn I) của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam họp ngày 18/5/2021 tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam tại KCN Đồng Văn I, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 23/2021/HNM/D ngày 25/5/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam tại KCN Đồng Văn I, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

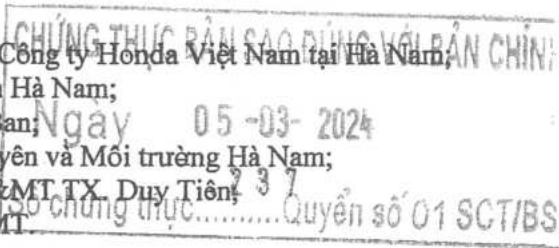
1. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này;
2. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt, góp phần giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm bụi, nhiệt độ, tiếng ồn, điều hòa không khí và tạo cảnh quan bóng mát;
3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có Văn bản chấp thuận của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;
4. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 171/QĐ-BQL ngày 01/02/2019 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng ký túc xá nhân viên của Công ty Honda Việt Nam” (giai đoạn I) của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam;
- Phòng TN&MT TX. Duy Tiên;
- Lưu: VT, MT.



CÔNG CHỨNG VIÊN
ĐỖ TẤN HƯNG

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam

(Kèm theo Quyết định số 51/QĐ – BQLCKCN ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam)

1. Thông tin chung về dự án

1.1. Chủ dự án

- Tên dự án : “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II”
Tên chủ dự án : Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam
Địa chỉ : KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
Người đại diện : Ông YuKimitsu Shiga
Giấy chứng thực cá nhân: TZ1208734; Cấp ngày : 08/06/2017
Nơi cấp : Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Manaus
Phương tiện liên hệ với chủ dự án: Ông: Phạm Đình Thi
Chức vụ: Trưởng chi nhánh
Điện thoại: 0226.369.6666
Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án 350.000.000 USD (Ba trăm năm mươi triệu Đô la Mỹ ./.)

Thời hạn hoạt động đến 18/10/2056

1.2 Vị trí dự án

Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, chủ đầu tư xây dựng dự án “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” có địa chỉ tại KCN Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với tổng diện tích trong 2 giai đoạn là 14.000 m². Ranh giới cụ thể của Dự án như sau:

- Phía Bắc: giáp đường N1 giao thông nội bộ KCN Đồng Văn I;
- Phía Nam: giáp dải cây xanh cách ly KCN Đồng Văn I;
- Phía Đông: giáp khu đất trống của KCN Đồng Văn I;
- Phía Tây: giáp khu đất nghĩa trang hiện trạng.

1.3 Quy mô, công suất

Cung cấp số lượng chỗ ở cho 850 lao động: Giai đoạn I: 600 chỗ ở (đã hoàn thành); Giai đoạn II: 250 chỗ ở (chuẩn bị đầu tư)..

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Đề nâng cao chất lượng cuộc sống và đáp ứng nhu cầu về chỗ ở cho nhân viên làm việc tại nhà máy. Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam quyết định thực hiện dự án: “Mở rộng quy mô ký túc xá giai đoạn II” được thực hiện tại KCN Đồng Văn I, TX.Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:75...../HĐTD

Hà Nam, ngày 20...tháng M... năm 2019

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Nam cho Công ty Honda Việt Nam thuê đất để xây dựng ký túc xá cho nhân viên của Công ty Honda Việt Nam, tại Khu công nghiệp Đồng Văn I, địa bàn xã Bạch Thượng và thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Thông báo số 3641/TB-CT ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Cục Thuế tỉnh Hà Nam về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước;

Hôm nay, ngày 20... tháng M... năm 2019, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Hà Nam:

Do ông: Nguyễn Văn Thái

Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam, làm đại diện.

Địa chỉ trụ sở: Đường Lê Công Thanh, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

II. Bên thuê đất là Công ty Honda Việt Nam:

Do ông: Keisuke Tsuruzono.

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Honda Việt Nam, làm đại diện.

Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số tài khoản: 118000012057 tại Ngân hàng Vietinbank Phúc Yên.

III. Hai bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất: 14.000 m² (Mười bốn nghìn mét vuông) tại Khu công nghiệp Đồng Văn I, địa bàn xã Bạch Thượng và thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (Trong đó: tại xã Bạch Thượng là 13.994 m²; tại thị trấn Đồng Văn là 6 m²).

2. Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định theo tờ trích đo vị trí khu đất số 195/TĐ-ĐC, tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần đo đạc khảo sát thiết kế Huy Hoàng lập ngày 21 tháng 6 năm 2019, được phòng Đo đạc bản đồ và Viễn thám thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam kiểm tra, xác nhận ngày 21 tháng 6 năm 2019.

3. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 18 tháng 10 năm 2056.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đầu tư xây dựng ký túc xá cho nhân viên Công ty Honda Việt Nam thuộc dự án sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu xe máy mang nhãn hiệu Honda, sản xuất và/hoặc kinh doanh, xuất khẩu linh kiện, chi tiết và phụ tùng xe máy, cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa và sau bán hàng cho xe máy và cung cấp dịch vụ nhà ở tập thể cho người lao động theo dự án đầu tư được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8702735465, chứng nhận lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2011, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 29 tháng 10 năm 2019.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất là 6.000 đồng/m²/năm (Sáu nghìn đồng một mét vuông một năm);

Đơn giá thuê đất nêu trên được ổn định trong 05 năm, kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 đến ngày 06 tháng 9 năm 2024. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất được tính lại theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Công ty Honda Việt Nam có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo Thông báo của cơ quan Thuế.

2. Tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất nêu tại khoản 1 Điều này được tính từ ngày 06 tháng 9 năm 2019 (ngày có Quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh Hà Nam).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm, bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3: Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8702735465, chứng nhận lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2011, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 29 tháng 10 năm 2019 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Honda Việt Nam.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Bên cho thuê đất đảm bảo việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai của Việt Nam.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai của Việt Nam.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê ... thì pháp nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai của Việt Nam.

Điều 6: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8: Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan Thuế nơi xác định mức thu tiền thuê đất, Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



KEISUKE TSURUZONO
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN THÁI



các Nghị định, Thông Tư về an toàn thực phẩm.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát nguồn thực phẩm nhập vào trong quá trình hoạt động của cơ sở.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam cam kết về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng.

- Quản lý chất thải theo đúng quy định, cụ thể: Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2012/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu cho phép và phải dừng ngay việc đầu nổi nước thải với hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện báo cáo kịp thời tới cơ quan môi trường liên quan của địa phương, chính quyền ở địa phương nếu xảy ra các sự cố môi trường đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi gửi kèm văn bản này 01 (một) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND phường Bạch Thượng tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở Ký túc xá nhân viên của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.



PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8702735465

Chứng nhận lần đầu: Ngày 04 tháng 07 năm 2011

Chứng nhận thay đổi lần thứ tám: Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 238/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Hà Nam về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8702735465, cấp lần đầu ngày 04 tháng 7 năm 2011, thay đổi lần thứ bảy ngày 03 tháng 6 năm 2021, nơi cấp: Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của nhà đầu tư Công ty Honda Việt Nam;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HÀ NAM

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU XE MÁY MANG NHÃN HIỆU HONDA, SẢN XUẤT VÀ/HOẶC KINH DOANH, XUẤT KHẨU LINH KIỆN, CHI TIẾT VÀ PHỤ TÙNG XE MÁY, CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA SAU BÁN HÀNG CHO XE MÁY VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NHÀ Ở TẬP THỂ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8702735465, cấp lần đầu ngày 04/07/2011, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2021, nơi cấp: Ban Quản lý các KCN tỉnh Hà Nam; được đăng ký điều chỉnh thông tin về nhà đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Công ty Honda Việt Nam; Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500150543, đăng ký lần đầu ngày 26/06/2008, thay đổi lần thứ 14 ngày 03/4/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc; Số điện thoại: 02113.868.888

Người đại diện theo pháp luật: Ông Koji Sugita; Chức vụ: Tổng giám đốc; Sinh ngày: 14/01/1973; Quốc tịch: Nhật Bản; Hộ chiếu số: TZ1124507, cấp ngày: 12/4/2016, nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Indonesia; Địa chỉ thường trú: 4-39-11, Tagara, Nerima-ku, Tokyo, Nhật Bản; Địa chỉ liên lạc: Công ty Honda Việt Nam, đường Hai Bà Trưng, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 2500150543-002, đăng ký lần đầu ngày 04/07/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 05/4/2021, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ XUẤT KHẨU XE MÁY MANG NHÃN HIỆU HONDA, SẢN XUẤT VÀ/HOẶC KINH DOANH, XUẤT KHẨU LINH KIỆN, CHI TIẾT VÀ PHỤ TÙNG XE MÁY, CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA SAU BÁN HÀNG CHO XE MÁY VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NHÀ Ở TẬP THỂ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất xe có động cơ <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe máy, xe gắn máy mang nhãn hiệu Honda, linh kiện, phụ tùng, phụ tùng thay thế, phụ kiện xe mô tô, xe máy, xe gắn máy và cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa sau bán hàng cho xe mô tô, xe máy, xe gắn máy</i>	2910	
2	- Mua, nhập khẩu và phân phối dầu nhờn, mũ bảo hiểm và các phụ kiện khác phục vụ cho việc sử dụng xe mô tô, xe máy, xe gắn máy và xe ô tô như: quần áo, găng tay dành cho người yêu thích Honda; móc khoá và các sản phẩm khác được pháp luật Việt Nam cho phép - Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối: xe mô tô, xe máy, xe gắn máy nguyên chiếc, linh kiện, phụ tùng, phụ tùng thay thế, phụ kiện xe mô tô, xe máy, xe gắn máy; Cung cấp dịch vụ cho thuê xe mô tô, xe máy, xe gắn máy; - Tiến hành đào tạo cách lái xe an toàn và các hoạt động liên quan đến lái xe an toàn như quảng cáo, quảng bá, xúc tiến, tài trợ các hoạt động lái xe an toàn; - Tiến hành đào tạo kỹ thuật và dịch vụ liên quan đến xe mô tô, xe máy, xe gắn máy cho các cửa hàng bán xe mô tô, xe máy, xe gắn máy do Công ty Honda Việt Nam ủy nhiệm;	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam	

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ nhà ở tập thể cho người lao động bao gồm nhà ở, dịch vụ ăn uống, thể thao và các dịch vụ tiện ích khác; - Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn các loại hàng hóa được pháp luật cho phép. 		

(Đối với các mục tiêu (ngành nghề kinh doanh) có điều kiện nhà đầu tư chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)

3. Quy mô dự án:

- 1.100.000 xe máy/năm;
- Khu nhà ở công nhân: 850 chỗ ở, bao gồm 02 giai đoạn như sau:
 - + Giai đoạn I với quy mô 600 chỗ ở;
 - + Giai đoạn II với quy mô 250 chỗ ở.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Đồng Văn I và Khu công nghiệp Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 286.160 m², trong đó:

- Tại KCN Đồng Văn II: 272.160 m² để xây dựng nhà máy sản xuất;
- Tại KCN Đồng Văn I là 14.000 m² để xây nhà ở công nhân được chia làm 02 giai đoạn như sau:

- + Giai đoạn I: 12.228 m²
- + Giai đoạn II: 1.772 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 211.477.850 USD (Hai trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đô la Mỹ) tương đương 4.990.475.746.238 VND (Bốn nghìn chín trăm chín mươi tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi tám đồng Việt Nam).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 211.477.850 USD (Hai trăm mười một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đô la Mỹ) tương đương 4.990.475.746.238 VND (Bốn nghìn chín trăm chín mươi tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi tám đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty Honda Việt Nam	4.990.475.746.238	211.477.850	100	Tiền mặt	Đến tháng 01/2022

- Vốn huy động: 0

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 18/10/2056.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn:

- Đối với phần vốn 120.500.000 USD đăng ký tháng 7/2011: Đến tháng 12/2012.

- Đối với phần góp 32.288.000 USD đăng ký tăng thêm tháng 01/2018: Đến tháng 05/2019.

- Đối với phần vốn góp 5.350.688 USD đăng ký tăng thêm tháng 01/2019 được phân kỳ làm 02 giai đoạn như sau: Giai đoạn I góp 4.374.428 USD với tiến độ góp vốn đến tháng 3/2020 và Giai đoạn II góp 976.260 USD với tiến độ góp vốn đến tháng 01/2022.

- Đối với phần vốn góp 52.590.332 USD đăng ký tăng thêm tháng 03/2020: Đến tháng 12/2020.

- Đối với phần vốn góp 748.830 USD đăng ký tăng thêm tháng 3/2021 (được điều chỉnh lại tháng 05/2021): Đến tháng 01/2022.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Đối với phần vốn đầu tư 120.500.000 USD đăng ký tháng 7/2011: Đến tháng 12/2012.

- Đối với phần vốn đầu tư 32.288.000 USD đăng ký tăng thêm tháng 01/2018: Đến tháng 05/2019.

- Đối với phần vốn đầu tư 5.350.688 USD đăng ký tăng thêm tháng 01/2019 (để xây dựng nhà ở công nhân), được phân kỳ làm 02 giai đoạn như sau: Giai đoạn I thực hiện 4.374.428 USD với tiến độ đến tháng 3/2020 và Giai đoạn II thực hiện 976.260 USD với tiến độ đến tháng 01/2022.

- Đối với phần vốn đầu tư 52.590.332 USD đăng ký tăng thêm tháng 03/2020: Đến tháng 12/2020.

- Đối với phần vốn đầu tư 748.830 USD đăng ký tăng thêm tháng 03/2021 (được điều chỉnh lại tháng 05/2021) (để xây dựng nhà ở công nhân): Đến tháng 01/2022.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi tiền thuê đất: (chỉ áp dụng cho việc đầu tư hạng mục dự án xây dựng khu nhà ở công nhân)

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Điều kiện hưởng ưu đãi: khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đăng ký và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Các ưu đãi đầu tư khác được áp dụng cho việc đầu tư hạng mục dự án xây dựng khu nhà ở công nhân:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, và pháp luật có liên quan.

3. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

- Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

theo các quy định của pháp luật.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đăng ký và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

- Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu (nếu có) theo các quy định của pháp luật.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: khi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đăng ký và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư

- Được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề đối với lao động địa phương theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam;

- Được hỗ trợ, tạo điều kiện giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án trong thời gian nhanh nhất; hỗ trợ tuyển dụng lao động phục vụ cho dự án và các hỗ trợ khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án tại Hà Nam.

Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có) và các quy định của pháp luật về thuế trong quá trình triển khai đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh; tuân thủ các nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư tại Hà Nam.

Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam sẽ điều chỉnh các ưu đãi đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu Nhà đầu tư không thực hiện đúng các cam kết, các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Hà Nam.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế phần nội dung dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8702735465, cấp lần đầu ngày 04/07/2011, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2021, nơi cấp: Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này gồm 05 (Năm) trang và được lập thành 02 (hai) bản gốc, nhà đầu tư được cấp một bản, một bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. / *ngt*

Nơi nhận:

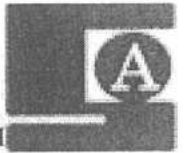
- Như Điều 5;
 - Lãnh đạo Ban;
 - Các Sở, ngành: Kế hoạch & Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Công Thương, Tài chính, Xây dựng, Công an tỉnh, Cục Thống kê, Cục Thuế, Chi cục Hải quan;
 - Các phòng chuyên môn;
 - Lưu: VT, QLĐT(K). *ngt*
- 2023/QLĐT/ĐC 8 Honda

TRƯỞNG BAN



Trần Văn Kiên

Trần Văn Kiên



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 2500150543-002

Đăng ký lần đầu, ngày 04 tháng 07 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 05 tháng 04 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Khu công nghiệp Đồng Văn II, Phường Duy Minh, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: HAYATO SEGUCHI

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *27/09/1967* Dân tộc:

Quốc tịch: *Nhật Bản*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TR5752476*

Ngày cấp: *09/03/2016* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Nhật Bản*

Địa chỉ thường trú: *2-11-1, Shimonabe, Higashi-ku, Kumamoto-shi, Kumamoto, Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *Công ty Honda Việt Nam, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 2500150543

Địa chỉ trụ sở chính: *., Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG/



Phạm Thị Loan Hà

S050	Thanh lý hợp đồng/Thỏa thuận <i>Contract / Agreement Liquidation</i>	
S060	Hóa đơn hàng hóa/dịch vụ <i>Good/service invoice</i>	
S070	Công văn (bao gồm Thông báo) <i>Official Dispatch (Incl Notice)</i>	
S080	Giấy giao nhận (bên ngoài và nội bộ) <i>Delivery note (External & Internal)</i>	
B010	Hợp đồng/Thỏa thuận/Đơn đặt hàng <i>Contract / Agreement / Purchase Order</i>	Hợp đồng với thời hạn ≤ 1 năm, giá trị ≤ 300 triệu đồng ngoại trừ các Hợp đồng với Công ty thành viên/công ty con/công ty liên kết <i>Contract with duration ≤ 1 year, amount ≤ 300 mil VND except Contract with member/subsidiary/related companies</i>
B020	Chấp nhận báo giá <i>Quotation Acceptance</i>	
B030	Xác nhận công nợ phát sinh <i>Debit note Acceptance</i>	
B040	Biên bản (bản giao, làm việc...) <i>Minutes (Acceptance, Working...)</i>	
B050	Thanh lý hợp đồng/ Thỏa thuận <i>Contract/ Agreement Liquidation</i>	Theo các hợp đồng đề cập ở trên <i>As aboved mentioned contracts</i>
B060	Công văn (bao gồm Thông báo) <i>Official Dispatch (Incl Notice)</i>	
B070	Yêu cầu khiếu nại <i>Claim request</i>	
B080	Giấy/Thư giới thiệu <i>Introduction letter</i>	
B090	Tài liệu hỗ trợ, chứng minh <i>Supporting Certification or/and Evidence</i>	
A010	Hợp đồng/Thỏa thuận <i>Contract/Agreement</i>	Hợp đồng với thời hạn ≤ 1 năm, giá trị ≤ 300 triệu đồng ngoại trừ các Hợp đồng với Công ty thành viên/công ty con/công ty liên kết <i>Contract with duration ≤ 1 year, amount ≤ 300 mil VND except Contract with member/subsidiary/related companies</i>
A020	Biên bản (bản giao, hủy...) <i>Minutes (Handover, Disposal...)</i>	
O010	Tài liệu thuộc nội dung ủy quyền của cấp dưới trực tiếp <i>Documents under authorization of direct subordinates</i>	

GIẤY ỦY QUYỀN này có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2023 và có thời hạn một (01) năm kể từ ngày phát sinh hiệu lực, hàng năm tự động gia hạn với thời hạn một (01) năm trừ trường hợp Người Ủy Quyền chấm dứt việc ủy quyền hoặc Người Ủy Quyền/ Người Được Ủy Quyền kết thúc nhiệm kỳ công tác hoặc không còn làm việc tại Công ty Honda Việt Nam. Giấy ủy quyền này được lập thành ba (03) bộ, có giá trị pháp lý như nhau.

This POWER OF ATTORNEY shall come into effect from April 01 2023 date and in one (01) year from the date of valid and automatically extend yearly by 01 year, unless Authorizer cancels the authorization or term of Authorizer/ Authorized Person is up or they have not been working in Honda Vietnam. This Power of Attorney has been made in three (03) original sets, equally valid.



Phúc Yên, ngày 01 tháng 04 năm 2023

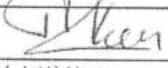
GIẤY ỦY QUYỀN
POWER OF ATTORNEY

Tôi, Koji Sugita – Tổng Giám đốc Công ty Honda Việt Nam (sau đây gọi là "Người Ủy Quyền"), một công ty có trụ sở chính tại Phúc Thang, Phúc Yên, Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9982506363 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, chứng nhận lần đầu ngày 26/06/2008, ủy quyền cho

I, Koji Sugita – General Director of Honda Vietnam Company (hereinafter referred as "Authorizer"), a company whose registered office is at Phuc Thang, Phuc Yen, Vinh Phuc, having investment certificate 9982506363 issued by Vinh Phuc Department of Planning & Investment, first registration on June 26, 2008, authorize

Ông: **Trần Ngọc Viên**
với những thông tin dưới đây làm người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của tôi (sau đây gọi là "Người Được Ủy Quyền") để xem xét và ký:

Mr./Ms.: **Tran Ngoc Vien**
with personal information as follows as my true and lawful authorized representative with full power and authority on my behalf (hereinafter referred as "Authorized Person") to consider and sign:

Chữ ký: Signature:		Số CCCD/Hộ chiếu: ID Card/Passport No.:	034070000025
Chức danh: Position:	Trưởng Chi nhánh Hà Nam Manager of Hanam Branch	Ngày cấp: Date of issuance:	10/07/2021 10-Jul-2021
Quốc tịch: Nationality:	Việt Nam Vietnamese	Nơi cấp: Place of issuance:	Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội Police Department for Administrative Management of Social Order

Mã mục Item Code	Nội dung ủy quyền Authorization content	Chi tiết Details
L020	Công văn (bao gồm Thông báo) Official Dispatch (Incl Notice)	Gửi đến cơ quan công quyền, hiệp hội, báo chí ở địa phương Sending to local government agencies, association, media
	Báo cáo Report	Gửi đến cơ quan công quyền, hiệp hội, báo chí ở địa phương Sending to local government agencies, association, media
L040	Biên bản (xác nhận, làm việc...) Minutes (Acknowledge, Working...)	Gửi đến cơ quan công quyền, hiệp hội, báo chí ở địa phương Sending to local government agencies, association, media
	Giấy/Thư giới thiệu Introduction letter	Gửi đến cơ quan công quyền, hiệp hội, báo chí ở địa phương Sending to local government agencies, association, media
L060	Xác nhận/Chứng nhận Confirmation or/and Certification	Gửi đến cơ quan công quyền, hiệp hội, báo chí ở địa phương Sending to local government agencies, association, media
	Hợp đồng/Thỏa thuận Contract / Agreement	Hợp đồng với thời hạn ≤ 1 năm, giá trị ≤ 300 triệu đồng/người trừ các hợp đồng với Công ty thành viên/công ty con/công ty liên kết Contract with duration ≤ 1 year, amount ≤ 300 mil VND except Contract with member/subsidiary/related companies
S020	Bào giá Quotation Offer	
S030	Xác nhận công nợ Debit note	
S040	Biên bản (bàn giao, làm việc...) Minutes (Acceptance, Working...)	



+ Bể bơm ban đầu:

Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải từ hệ thống lọc RO được dẫn đến bể bơm ban đầu. Từ bể này, nước thải được bơm sang bể chứa nước thải thô của hệ thống xử lý bằng các bơm chìm đặt trong bể.

+ Bể chứa nước thải thô:

Nước thải sinh hoạt từ bể chứa ban đầu được bơm vào và được chứa ở bể này. Từ bể này, nước thải được bơm sang bể khử Nitơ bởi bơm chìm đặt ở đáy bể. Bể này cũng được sử dụng để chứa nước thải trong trường hợp hệ thống dùng để sửa chữa hay bảo dưỡng định kỳ.

+ Bể khử Nitơ:

Bể này được thiết kế để loại bỏ chất ô nhiễm chứa Nitơ có trong nước thải, sử dụng công nghệ bùn hoạt tính kết hợp với chất nền Ethanol để loại bỏ nitơ ra khỏi nước thải. Vi khuẩn Nitrobacter được nuôi trong bể này, sử dụng các chất dinh dưỡng hữu cơ BOD trong nước thải nhằm biến đổi các chất chứa nhóm NO_3^- , NO_2^- thành dạng N_2 thoát ra khỏi nước thải. Tại bể này, được lắp đặt máy khuấy trộn được bố trí để tăng hiệu quả phân tán vi khuẩn và dinh dưỡng trong bể xử lý.

+ Bể Nitrat hóa:

Tại bể này, chất thải có trong nước thải được xử lý bằng bùn hoạt tính. Máy thổi khí được thiết kế để cung cấp khí cho vi sinh sống và phát triển. Nồng độ pH của nước thải được điều chỉnh bằng bơm cấp NaOH đảm bảo giá trị trong khoảng từ 6 ~ 9. Hóa chất PAC được bơm cấp vào với liều lượng được tính toán nhằm xử lý Tổng photpho (T-P).

Bể Nitrat hóa sử dụng các vi khuẩn hiếu khí và Nitrosomonas để biến đổi các chất hữu cơ chứa NH_4^+ thành NO_3^- và NO_2^- . Các vi khuẩn Nitrosomonas hoạt động trong bể nitrat hóa sử dụng oxi hòa tan có trong nước thải để oxi hóa NH_4^+ thành NO_3^- và NO_2^- . Sau khi bị biến đổi thành NO_3^- và NO_2^- , nước thải được tuần hoàn lại bể khử Nitơ để chuyển về dạng khí N_2 như trình bày trong phần trước.

Máy thổi khí và hệ thống đĩa phân phối khí được sử dụng để cung cấp và phân phối khí cho quá trình xử lý này.

Ngoài ra, tại đây các vi khuẩn hiếu khí cũng sử dụng oxi để oxi hóa các chất thải chứa gốc S^{2-} về SO_4^{2-} làm giảm đáng kể lượng S^{2-} chứa trong nước thải.

+ Bể lắng:

Sau khi qua bể xử lý Nitrat hóa nước chảy tràn sang bể này, trong bể này diễn ra quá trình phân lắng, phần nước trong sẽ tràn vào bể khử trùng, phần bùn lắng xuống được tuần hoàn về bể khử nitơ và bùn dư định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng cách mở van bằng tay.

+ Bể khử trùng:

Nước từ bể lắng sẽ chảy sang bể khử trùng, nước được khử trùng bằng hóa chất có thành phần khử trùng được bơm vào với liều lượng xác định.

+ Bể lọc cát:

Sau khi nước qua bể khử trùng, nước sẽ được bơm lên bể lọc cát để lọc lại một lần nữa các cặn lơ lửng có trong nước trước khi xả ra ngoài. Nước sau lọc được đổ về bể chứa nước xả thải.

+ Bể chứa nước xả thải:

Nước sau xử lý từ bể này được đầu nối về hồ ga kết nối với hệ thống thoát nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng. Chất lượng nước thải đáp ứng theo QCVN 40:2011 cột B về tiêu chuẩn chất lượng nước thải Công nghiệp.

+ Bể chứa bùn:

Bùn dư từ bể lắng được dẫn về và chứa trong bể này. Bùn sẽ được xử lý ép khô bằng máy ép bùn đặt tại hệ thống.

+ Máy ép bùn:

Máy ép bùn được thiết kế để làm khô bùn thải, bùn thải sau ép được vận chuyển về kho lưu trữ. Định kỳ sẽ được chuyển giao cho đơn vị có đủ năng lực để xử lý.

Bảng 8. Thông số kỹ thuật hệ thống XLNT sinh hoạt công suất 150 m³/ngày đêm

TT	Thông số kỹ thuật	Thể tích	Số lượng
1	Bể chứa nước thải ban đầu	55 m ³	01
2	Bể chứa nước thải thô	65 m ³	01
3	Bể khử nitơ	68 m ³	01
4	Bể nitrat hoá	112 m ³	01
5	Bể lắng	20 m ³	01
6	Bể khử trùng	3,8 m ³	01
7	Bể lọc cát	D1160 x H1825	01
8	Bể chứa nước ra	11 m ³	01
9	Bể chứa bùn	7 m ³	01

Bảng 9. Danh mục máy móc, thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm chuyển nước thải thô	20 m ³ /h	Chiếc	2
2	Bơm nước thải thô	6,25 m ³ /h x 6mH	Chiếc	2
3	Công tắc mức phao		Bộ	1
4	Bể chính lưu lượng số 1	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1
5	Máy khuấy trộn chìm	P = 0,75 kW	Chiếc	1
6	Bộ điều khiển (đầu đo) pH	Khoảng đo: 0-14	Chiếc	1
7	Bơm tuần hoàn nước	9,4 m ³ /h x 6mH	Chiếc	1
8	Bộ phân phối khí	Loại đĩa, bọt khí mịn	Bộ	1
9	Bể chính lưu lượng số 2	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1
10	Bơm tuần hoàn bùn	6,25 m ³ /h x 7mH	Chiếc	1
11	Bể đo lưu lượng bùn hồi lưu	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1

12	Bơm cấp lọc ly tâm	10 m ³ /h x 25mH	Chiếc	2
13	Bơm lấy mẫu ly tâm	1,2 m ³ /h x 20 mH	Chiếc	1
14	Máy ép bùn khung bản	100L/cycle x 2,2 kW	Chiếc	1
15	Máy thổi khí khuấy trộn	3,69 Nm ³ /min x 4000 mmAq	Chiếc	1
16	Máy thổi khí	3,69 Nm ³ /min x 4000 mmAq	Chiếc	1
17	Máy nén khí	300 l/min x 2,2 kW	Chiếc	1
18	Bồn hóa chất ethanol	Thể tích 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
19	Bơm ethanol	200 cc/min x 0,02 kW	Chiếc	1
20	Bơm NaOH	100 cc/min x 0,022 kW	Chiếc	1
21	Bồn hóa chất NaOH	Thể tích 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
22	Bồn hóa chất NaOCl	Thể tích 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
23	Bơm NaOCl	38 cc/min x 0,016 kW	Chiếc	1
24	Bồn hóa chất PAC	Thể tích 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
25	Bơm PAC	100 cc/min x 0,022 kW	Chiếc	1

❖ Quy trình vận hành

Hệ thống được vận hành ở chế độ tự động, vận hành theo chương trình điều khiển PLC đã cài đặt. Khi phao báo mức nước trong bể điều hòa ở mức cao thì hệ thống bơm giữa các bể sẽ hoạt động theo chương trình PLC.

Bước 1. Kiểm tra tủ điện điều khiển trung tâm

➤ Kiểm tra điện

- Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380-400V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp thì hệ thống điều khiển tự động cảnh báo. Người vận hành sẽ reset, kiểm tra, xử lý và vận hành lại.

- Kiểm tra trạng thái làm việc của khí cụ điện phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

Lưu ý: Đối với những nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không điều chỉnh các công tắc trên tủ điện điều khiển.

Bước 2: Kiểm tra hệ thống van và đường ống công nghệ

Kiểm tra các van trên đường ống đã đúng vị trí trạng thái van đóng/mở phù hợp với quy trình vận hành hay chưa?

Lưu ý: Đối với những nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không tự ý đóng mở các van trên đường ống.

Bước 3: Kiểm tra thiết bị

Đối với thiết bị cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc đảm bảo điều kiện vận hành như sau:

Bảng 10. Công tác kiểm tra thiết bị/bảo dưỡng trong hệ thống XLNT

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
1	Các thiết bị bơm	Nguồn điện cấp vào bơm; Tín hiệu truyền về Tủ điều khiển; Hoạt động của bơm theo phao hoặc/và chương trình PLC; Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ...

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
		Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bom, rò rỉ dầu, cách điện, dòng, điện áp,...
2	Máy thổi khí	Nguồn điện cấp vào máy Tín hiệu truyền về Tủ điều khiển Hoạt động của máy chương trình điều khiển tự động Lưu lượng khí cấp và áp suất làm việc Độ rung lạ khi hoạt động Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ... Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: dây đai, dầu, nhớt, mối nối,
3	Thiết bị phân phối khí	Khả năng phân phối khí trên bề mặt nước tại bể ở tất cả các vị trí.
4	Phao mức nước	Khả năng đóng/mở tiếp điểm. Chế độ đóng/mở bơm.
5	Bồn chứa hóa chất	Lượng hóa chất trong bồn. Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí, ...

Bước 4: Vận hành các thiết bị trong phạm vi điều khiển của tủ điều khiển trung tâm

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

Bước 4.1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên các attomat (CB) con để chuyển tất cả CB con sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã sẵn sàng ở các tiếp điện vào của tất cả các khởi động từ.

Bước 4.2: Đóng cửa tủ điều khiển

Bước 4.3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4.4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục.

➤ **Vận hành ở chế độ tự động**

Bước 4.4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”. Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển bởi PLC, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình đã cài đặt.

➤ **Vận hành ở chế độ không tự động**

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy/bảo dưỡng. Khi đó chỉ cần bật máy sang chế độ MANU. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể gây hỏng thiết bị.

➤ **Dừng do sự cố**

- Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.

- Khi đèn vàng trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố cần tắt CB của thiết bị đó sang vị trí “OFF” để kiểm tra và xử lý sự cố.

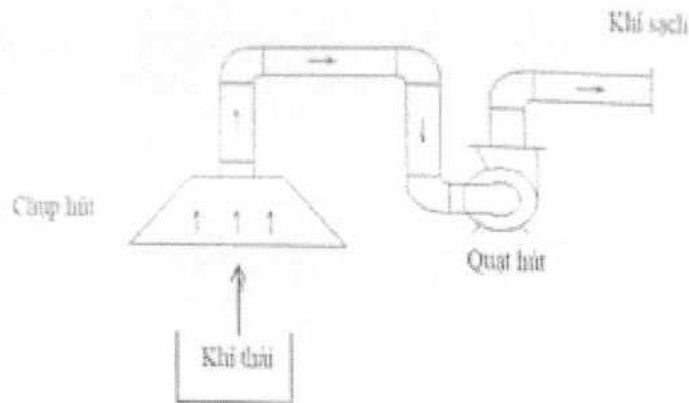
Lưu ý: Trong trường hợp dừng hệ thống bằng nút EM.STOP hoặc bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tắt cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống

4.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

4.2.1. Giảm thiểu khí thải từ hoạt động nấu ăn

Cơ sở đã lắp đặt hệ thống hút khói nhà bếp. Cấu tạo hệ thống thu hút khói nhà bếp bao gồm: Phễu chụp thu khói, đường ống dẫn khói bằng thép, quạt hút khói. Trong quá trình khói thải được thu hút vào hệ thống, hơi dầu mỡ trong khói thải sẽ đọng lại tại phễu chụp thu khói, phần khói thoát ra ngoài môi trường chủ yếu là hơi nước và một phần hơi dầu mỡ không đáng kể.

Tổ vệ sinh của KTX tiến hành vệ sinh định kỳ bộ phận phễu chụp thu khói nhà bếp nhằm loại bỏ hơi dầu mỡ lắng đọng, đảm bảo hoạt động của hệ thống thu hút khói bếp. Giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình vệ sinh phễu chụp được thu gom về khu lưu giữ chất thải sinh hoạt của KTX.



Hình 4. Hệ thống xử lý khí thải nhà bếp

Thông số của hệ thống xử lý khí thải nhà bếp:

- + Quạt hút: $Q = 1.200 \sim 1.500 \text{ m}^3/\text{h}$, số lượng 01 chiếc; $Q = 1.800 \sim 2.000 \text{ m}^3/\text{h}$, số lượng 02 chiếc;
- + Quạt đặt trên nóc tòa nhà, đường kính ống dẫn khói vuông $50\text{mm} \times 65\text{mm}$;
- + Miệng chụp hút kích thước $3\text{m} \times 1,25\text{m}$;
- + Miệng chụp hút rộng $0,6\text{m}$.

4.2.2. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng

Khí thải từ máy phát điện dự phòng: để đảm bảo an toàn cấp điện thường xuyên cho sinh hoạt của người lao động, KTX đã trang bị 01 máy phát điện công suất 275

KVA. Nhiên liệu sử dụng cho máy phát là dầu Diesel. Máy phát điện dự phòng có khả năng phát sinh khí thải, khí thải được thu vào ống khói cao khoảng 7m để thải ra ngoài. Do nguồn điện cung cấp cho KTX từ hệ thống cấp điện của KCN Đồng Văn I mở rộng được vận hành ổn định và đảm bảo được an toàn cấp điện cho cơ sở nên rất ít phát sinh trường hợp chạy máy phát dự phòng. Trường hợp sử dụng máy phát điện, Công ty bổ sung lượng dầu diesel vào bồn theo đúng quy trình xuất nhập xăng, dầu đảm bảo hoạt động vận hành thiết bị. Chất lượng của máy phát điện được định kỳ bảo dưỡng theo đúng quy định của nhà cung cấp.

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, KTX đã kết hợp các biện pháp sau:

- Trồng cây xanh trong khuôn viên KTX để cải thiện cảnh quan môi trường và vi khí hậu, diện tích cây xanh là 3.789,4m²;
- Sử dụng các vòi nước chuyên dụng để phun nước trên tuyến đường nội bộ để giảm thiểu bụi trong không khí.

4.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Phân loại các thùng lưu trữ chất thải:
 - + Thùng màu xanh: lưu trữ chất thải có thể tái chế;
 - + Thùng màu đỏ: lưu trữ chất thải có thể đốt;
 - + Thùng nhựa màu trắng: lưu trữ giấy, bìa carton,...

Ký túc xá bố trí 44 thùng 70-200 lít chứa rác tại các khu vực sân chơi, nhà ăn, các tầng nhà ở để phân loại, lưu giữ các loại chất thải tại nguồn và tại khu vực lưu giữ chất thải. Thiết bị lưu giữ chất thải đảm bảo theo quy định.

Bố trí hồ thu rác tại các tòa nhà để thu gom chất thải sinh hoạt. Mỗi tầng đều bố trí 01 cửa đồ rác có kích thước LxB=0,55mx0,55m, có chốt bằng inox. Chiều cao cửa đồ rác so với sàn là 0,65m. Hồ thu rác có đường kính trong d = 0,61m, mặt trong bố trí đai đỡ ống, ngoài là giá đỡ ống thép (thép U100). Tại khu chứa rác sinh hoạt tầng 1 bố trí 6 xe chứa rác 0,6m³, 08 chiếc 0,24m³. Định kỳ hàng tuần khoảng 2~3 lần rác thải sẽ được đơn vị thu gom vận chuyển đưa đi xử lý.

- Để tăng cường hiệu quả xử lý chất thải, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

+ Bố trí nhân lực phụ trách về an toàn và môi trường vệ sinh chung cho khu KTX.

+ Lập tổ vệ sinh môi trường: trong số các nhiệm vụ mà tổ này đảm trách có bao gồm công việc dọn dẹp, thu gom rác thải từ khối dịch vụ, khu vực đường giao thông nội bộ,...

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường để thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt với các đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Các đơn vị ký kết hợp đồng với Công ty bao gồm:

+ Công ty TNHH Thương mại phụ trợ và phát triển công nghiệp tại hợp đồng số 99Ki-PUR.PUR.PLS-2229 ký ngày 31/03/2023;

+ Công ty Cổ phần môi trường Việt Xuân Mới tại hợp đồng số 100Ki-PUR.PUR.PLS-0848 ký ngày 28/09/2023.

4.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là: bóng đèn huỳnh quang hỏng, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải, pin thải,... phát sinh từ KTX sẽ được thu gom, đưa về khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 27m², chia làm 2 ngăn, mỗi ngăn có diện tích 13,5m².

Khu lưu giữ có mặt sàn trong bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; được xây kín hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn trong khu lưu giữ do được thiết kế có rãnh và hồ thu gom nước rỉ rác; dán mã quản lý chất thải nguy hại của từng loại chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh tại hợp đồng số 100Ki-PUR.PUR PLS-0852 ký ngày 28/09/2023 & Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco11 tại Hợp đồng số 100Ki-PUR.PUR PLS-0854 ký ngày 28/09/2023 là các đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở cung cấp chỗ ở cho cán bộ, công nhân viên của Chi nhánh công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam, không có hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, không có nguồn gây tiếng ồn, độ rung thường gặp ở các nhà máy sản xuất.

Các cán bộ, công nhân viên tại KTX phải tuân thủ nội quy an toàn, không sử dụng còi trong khu vực KTX.

Trong quá trình vận hành nguồn gây ồn lớn nhất của KTX chính là từ hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 275 kVA. Nhiên liệu sử dụng cho máy phát là dầu Diesel. Tuy không diễn ra thường xuyên, nhưng lại là nguồn gây ồn đáng kể khi hoạt động với cường độ max có thể đạt tới 77dB (khoảng cách 4m) khi đóng cửa khu vực để máy phát. Máy phát điện được đặt trong nhà có diện tích 72m², tách biệt hoàn toàn với khu vực bên ngoài để cách âm nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến con người và môi trường xung quanh trong trường hợp phải vận hành máy phát điện khi có sự cố mất điện.

4.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.6.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống XLNT

- Để phòng ngừa các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, độ kín, lắng cặn tại các

điểm đầu nối, hồ ga và tuyến công nhằm đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa, nạo vét, bảo trì hệ thống thu gom thoát nước;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, các bể xử lý nước thải, tránh rò rỉ nước gây ô nhiễm nguồn nước;

+ Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp;

+ Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố kịp thời;

+ Trong quá trình vận hành hệ thống, thường xuyên làm sạch đường ống, kiểm tra mực nước trong các bồn, bể, thường xuyên kiểm tra, bảo trì các đường ống và máy móc, thiết bị để hạn chế các sự cố như rò rỉ, tắc nghẽn đường ống dẫn hoặc tràn nước thải ra ngoài;

+ Tiến hành lấy mẫu phân tích nước thải định kỳ để có phương án xử lý nếu chất lượng nước thải không đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối của KCN;

- Phương án khắc phục khi cơ sự cố tại hệ thống XLNT:

+ Ngừng xả nước thải để khắc phục sự cố;

+ Đội phụ trách vận hành thực hiện và phối hợp với đơn vị thiết kế (nếu cần) để tìm hiểu nguyên nhân và khắc phục sự cố;

+ Trong trường hợp có thiết bị, máy móc bị hư hỏng thì phải tiến hành thay thế một cách nhanh chóng để đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống.

4.6.2. Hệ thống chống sét - nối đất

Tại các khối nhà sẽ được lắp đặt hệ thống chống sét, cột thu lôi được lắp đặt tại vị trí cao nhất của từng khối nhà.

Sử dụng hệ thống kim thu sét Ingesco (R = toàn bộ diện tích cần được bảo vệ) kiểu tia lắp đặt trên đỉnh của công trình. Kim thu sét được nối xuống hệ thống nối đất chống sét bằng dây đồng bọc có tiết diện $>70\text{mm}^2$.

Hệ thống nối đất chống sét bao gồm các cọc nối đất bằng thép mạ đồng và dây nối đất bằng đồng đặt ở độ sâu là 0,5-0,8m so với mặt đất hoàn thiện. Điện trở nối đất của hệ thống chống sét sẽ được thiết kế theo tiêu chuẩn là 20TCXDVN-46-2007 chống sét cho nhà và công trình xây dựng đảm bảo điện trở của hệ thống nối đất sau khi đo $< 10\Omega$.

4.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

❖ Biện pháp phòng ngừa:

- Trong khu KTX, cháy nổ có thể do mạng lưới cung cấp và truyền dẫn điện, do bất cẩn, do rò rỉ khí gas.

- Bố trí bình chữa cháy CO_2 , bình bột chữa cháy ABC tại những vị trí theo thẩm duyệt PCCC được CQNN xác nhận. Các phương tiện chữa cháy phải luôn được kiểm tra và đảm bảo hoạt động tốt.

- Kiểm tra định kỳ mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy...) và có các biện pháp thay thế kịp thời.

- Các trục đường nội bộ của Ký túc xá có lắp đặt để chờ sẵn các họng chữa cháy.

- Định kỳ tổ chức tập huấn về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho cán bộ quản lý KTX và tổ chức.

Để phòng ngừa sự cố cháy nổ, cơ sở sử dụng hệ thống báo cháy tự động, tự phát tín hiệu cháy và thông báo khu vực cháy. Hệ thống báo cháy gồm các thiết bị: trung tâm báo cháy, đầu báo cháy khói, báo nhiệt, báo khói tia chiếu, nút ấn, chuông, đèn báo cháy.

Hệ thống báo cháy bao gồm:

- Trung tâm báo cháy:

+ Trung tâm báo cháy được đặt ở phòng thường trực có người giám sát 24/24h. Từ trung tâm báo cháy có một đường cáp chính đi đến các hộp kỹ thuật của toàn bộ tòa nhà, các công trình phụ trợ ... để liên kết với các thiết bị của hệ thống được lắp đặt, đảm bảo khi sự cố cháy nổ xảy ra các hệ thống đều hoạt động.

+ Các đầu báo cháy được lắp đặt cho tất cả các khu vực theo đúng tiêu chuẩn quy định và đã được thẩm duyệt, nghiệm thu bởi Cơ quan có thẩm quyền.

+ Nút ấn báo cháy được bố trí trên lối thoát nạn.

+ Thiết bị báo động của hệ thống cho con người biết gồm các chuông, đèn báo cháy được lắp đặt chung trong các hộp tổ hợp tại vị trí dễ quan sát, âm thanh cung cấp đảm bảo con người trong khu vực đó nghe được.

• Hệ thống chữa cháy

Hệ thống chữa cháy gồm:

+ Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường trong nhà;

+ Bình chữa cháy; Hệ thống chữa cháy vách tường được thiết kế và lắp đặt theo thẩm duyệt PCCC đã phê duyệt.

Khi hoạt động hệ thống chữa cháy vách tường, tùy vào vị trí của đám cháy mà người tham gia chữa cháy có thể dùng hệ thống chữa cháy trong nhà hay chữa cháy ngoài nhà.

Khi xuất hiện cháy thì người phát hiện đám cháy tiến hành chữa cháy bằng cách triển khai kéo dài lăng vòi đến điểm cần chữa cháy đồng thời mở van khoá lấy nước ngay tại các hộp họng nước chữa cháy trong và ngoài nhà đã bố trí theo thiết kế.

- Họng chữa cháy vách tường:

Căn cứ vào kiến trúc và khối tích công trình:

+ Thể tích $120 - 300 \text{ m}^3 > 5.000 \text{ m}^3$ theo mục 10.14 TCVN 2622:1995 bố trí đảm bảo đám cháy ở bất kỳ khu vực nào đều có 02 họng phun để chữa cháy, bán kính phun của họng là 20 m.

+ Tủ cứu hỏa trong nhà: Tủ cứu hỏa được bố trí theo TC PCCC hiện hành. Tủ đặt ở nơi dễ nhìn thấy dễ sử dụng. Tủ cứu hỏa được trang bị một van chữa cháy 50A, 2 cuộn vòi 50A dài 20 mét và một lăng phun lưu lượng phun 2,5 l/s đặt nổi trên bề mặt tường.

Nguồn nước: Hạng chữa cháy vách tường được cấp nước chữa cháy bởi hệ thống bơm, bể chứa được thiết kế theo tiêu chuẩn của luật PCCC hiện hành.

- *Bình chữa cháy:*

Các bình chữa cháy ABC, CO₂ này được bố trí đặt trên giá, các bình này đặt ở vị trí thích hợp, dễ nhìn thấy, dễ sử dụng tại các khu vực giúp cho việc chữa cháy các đám cháy nhỏ, mới phát sinh mà chưa cần thiết phải sử dụng hệ thống chữa cháy bằng hạng nước vách tường.

Lắp đặt các nội quy, tiêu lệnh PCCC ở trên tường nơi bố trí hạng nước chữa cháy vách tường và nơi đặt bình chữa cháy để mọi người chấp hành các yêu cầu quy định an toàn PCCC và biết xử lý tình huống khi có cháy xảy ra.

- *Hệ thống đèn chỉ dẫn Exit thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố:*

Hệ thống đèn chiếu sáng thoát hiểm và đèn khẩn cấp được thiết kế phù hợp với qui định và tiêu chuẩn PCCC, phù hợp việc thoát hiểm cho con người ra khỏi khu vực khi gặp sự cố một cách an toàn.

Đèn chiếu sáng thoát hiểm và đèn khẩn cấp được thiết kế là loại chứa bộ nguồn ắc-quy và bộ nạp, có thể cấp nguồn sáng dự trữ tối thiểu trong 2 giờ.

Trang bị đèn chiếu sáng thoát hiểm (EXIT) ở các cửa ra vào và nơi chỉ ra lối thoát nạn.

Trang bị đèn chiếu sáng khẩn cấp ở dọc theo lối đi ra vào, lên xuống, lối rẽ trên đường thoát nạn nhằm mục đích chiếu sáng dẫn đường tới các vị trí chỉ cửa thoát hiểm.

❖ *Biện pháp ứng phó:*

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, mọi người có mặt tại Ký túc xá thực hiện các bước sau:

+ *Bước 1:* Thông báo ngay cho cơ quan Cảnh sát PCCC (Điện thoại khẩn cấp 114);

+ *Bước 2:* Tổ chức lực lượng tại chỗ chữa cháy theo phương án đã xây dựng và được phê duyệt. Khẩn trương cấp cứu người bị nạn (nếu có);

+ *Bước 3:* Phối hợp với chính quyền, công an địa phương để đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian chữa cháy;

+ *Bước 4:* Tổ chức tốt công tác hậu cần phục vụ chữa cháy và y tế;

+ *Bước 5:* Đảm bảo thông tin liên lạc để phục vụ chữa cháy.

Sau mỗi sự cố xảy ra cần phải báo cáo sự cố môi trường:

Tất cả các nhân viên thu gom chất thải rắn, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, phải được tập huấn để có nhận thức đúng và đầy đủ về chất thải nguy hại, tầm quan trọng của việc báo cáo các sự cố. Tất cả các sự cố liên quan đến chất thải (từ rò rỉ, rơi vãi, bung vỡ bao gói, nhằm lẫn trong phân loại...) cần phải được báo cáo kịp thời cho người có trách nhiệm.

Nội dung báo cáo sự cố: Bản chất của tai nạn, sự cố; Địa điểm và thời gian xảy ra tai nạn, sự cố; Những cá nhân trực tiếp tham gia và liên quan; Công tác xử lý và khắc phục tai nạn, sự cố; Các vấn đề liên quan khác.

Ban quản lý Ký túc xá có trách nhiệm: Xử lý và khắc phục ngay sự cố, điều tra nguyên nhân và có ngay hành động và biện pháp quản lý, hướng dẫn thích hợp để ngăn ngừa sự cố tái diễn.

Hồ sơ xử lý sự cố, điều tra nguyên nhân và biện pháp khắc phục hậu quả sau sự cố phải được lưu giữ đầy đủ.

Danh sách đội PCCC&CNCH tại KTX Honda Việt Nam – Chi nhánh tại Hà Nam ban hành theo Quyết định 02/2019/QĐ/HVN-S ngày 17 tháng 5 năm 2019 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11. Danh sách đội PCCC&CNCH tại Ký túc xá

STT	Họ và tên	Năm sinh	Phòng làm việc	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Dương	30/6/1989	ADM	Đội trưởng
2	Nông Văn Cương	8/8/1994	ADM	Đội phó
3	Nguyễn Tuấn Toàn	28/9/1993	FM/UFC	Đội phó
4	Nông Văn Đủ	11/12/1992	QC	Đội viên
5	Phạm Văn Thanh	2/5/1996	ENG/MC	Đội viên
6	Lương Đức Doanh	1/8/2000	FC/MS	Đội viên
7	Bùi Văn Phương	17/2/1996	FM/PEG	Đội viên
8	Nguyễn Việt Cường	1/6/1986	FM/UFC	Đội viên
9	Ngô Văn Đủ	11/10/1991	FM/UFC	Đội viên
10	Nguyễn Văn Hạnh	6/6/1992	ENG/MC	Đội viên
11	Đặng Văn Tăng	26/8/1990	FRM/PAPO	Đội viên
12	Vũ Văn Quế	5/9/1991	FRM/AF	Đội viên
13	Phạm Văn Định	8/7/1992	FRM/PAPO	Đội viên
14	Nguyễn Văn Hùng	27/1/1991	QC	Đội viên
15	Vũ Văn Khu	2/4/1996	FM/UFC	Đội viên
16	Trần Bá Bình	19/3/1995	FRM/PW	Đội viên
17	Đoàn Ngọc An	15/12/2001	FM/UFC	Đội viên
18	Vũ Văn Hùng	18/4/1993	FRM/PW	Đội viên
19	Nguyễn Xuân Hải	18/11/1999	FM/UFC	Đội viên
20	Đỗ Tiến Kiên	27/10/2001	FRM/PAPO	Đội viên
21	Phạm Hoàn Nhiên	12/6/2001	FM/UFC	Đội viên
22	Hà Công Sơn	1/4/2001	FRM/PAPO	Đội viên
23	Trần Duy Nhật	20/7/1992	FRM/PW	Đội viên
24	Lữ Văn Hiếu	11/4/2001	FRM/PAPO	Đội viên
25	Nguyễn Văn Giang	17/9/1994	FM/UFC	Đội viên
26	Hứa Đức Văn	14/3/1998	FC/MS	Đội viên
27	Trần Văn Cảnh	15/9/1976	Bảo vệ	Đội viên
28	Nguyễn Quốc Cường	24/10/1980	Bảo vệ	Đội viên
29	Phạm Văn Phong	1/6/1976	Bảo vệ	Đội viên
30	Trần Văn Chung	8/11/1968	Bảo vệ	Đội viên
31	Lê Trung Dũng	3/12/1971	Bảo vệ	Đội viên

32	Nguyễn Đức Nhu	19/5/1970	Bảo vệ	Đội viên
33	Nguyễn Văn Khải	12/10/1969	Bảo vệ	Đội viên
34	Nguyễn Văn Danh	28/10/1971	Bảo vệ	Đội viên
35	Nguyễn Thị Hồng Lợi	22/9/1995	Lễ tân	Đội viên
36	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/8/1992	Lễ tân	Đội viên
37	Nguyễn Đức Thuấn	20/11/2002	Lễ tân	Đội viên
38	Nguyễn Thị Thu Phương	2/6/1999	Lễ tân	Đội viên
39	Trương Thị Thanh Hoa	4/5/2001	Lễ tân	Đội viên
40	Hồ Thị Mận	2/2/1996	Lễ tân	Đội viên

* Ghi chú: Danh sách sẽ được cập nhật tùy theo tình hình nhân sự thực tế tại KTX thể hiện trong Quyết định thành lập nội bộ của Công ty.

4.6.4. Sự cố chập điện

Tất cả các tủ điện tổng, tủ điện tầng, hộp điện phòng đều có các aptomat bảo vệ cho từng thiết bị, từng cụm thiết bị, từng đường cáp riêng biệt, đảm bảo an toàn thuận tiện cho thao tác sử dụng, tránh mất điện trên diện rộng khi sự cố và bảo trì.

Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn điện, bao gồm:

- Các thiết bị điện như ổ cắm, hộp điện, tủ điện,... đều được nối đất an toàn.
- Hệ thống nối đất an toàn, độc lập hoàn toàn với hệ thống nối đất chống sét.
- Phần tiếp địa, sử dụng cọc tiếp địa đồng D18 dài 2,5m và dây bằng đồng nối đất 30x4mm, chôn sâu dưới đất cách mặt cốt sàn -1,0m.
- Điện trở đất của hệ thống nối đất an toàn phải $< 4 \Omega$.
- Có hộp kiểm tra, theo dõi định kỳ trị số điện trở nối đất của hệ thống tiếp địa nối đất.
- Khi lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống điện cần theo đúng quy định, đúng kỹ thuật và phải thường xuyên kiểm tra:
 - + Độ cách điện các phụ tải.
 - + Tình trạng của hệ thống bảo vệ thiết bị điện.
 - + Hệ thống nối trên không, dưới đất và các thiết bị ngắt mạch bảo vệ.

4.6.5. Biện pháp phòng chống lan truyền mầm bệnh

- Tổ vệ sinh và thu gom rác thải hàng ngày phải được trang bị đầy đủ về bảo hộ lao động.
- Khu tập kết rác thải được bố trí riêng biệt, có lối đi riêng.
- Việc vận chuyển rác đi xử lý tránh vào thời gian cao điểm.
- Ngoài ra, cần phổ biến nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với các cán bộ công nhân viên tại ký túc xá thông qua các buổi họp, buổi đào tạo, sinh hoạt chung.
- Thực hiện giữ gìn vệ sinh chung, có các biện pháp vệ sinh phòng dịch, cách ly khu vực bị nghi ngờ là có dịch để kịp thời phòng ngừa, tránh lây lan cho toàn khu vực.

4.6.6. Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm

Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về an toàn thực phẩm: Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 06 năm 2010 và

CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
TẠI HÀ NAM



HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

**CỦA CƠ SỞ “KÝ TÚC XÁ NHÂN VIÊN CỦA CHI NHÁNH
CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM”**

Tại phường Bạch Thượng, Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị xã
Duy Tiên, tỉnh Hà Nam



TRẦN NGỌC VIỄN
TRƯỞNG CHI NHÁNH HÀ NAM

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	: Bê tông cốt thép
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
KCN	: Khu công nghiệp
PCCC&CNCH	: Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
QĐ-TTg	: Quyết định - Thủ tướng
QLCTNH	: Quản lý chất thải nguy hại
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	: Xử lý nước thải
PLC	: Bộ điều khiển lập trình tự động
PAC	: Chất keo tụ - Poly aluminum chloride



**CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA
VIỆT NAM TẠI HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2003/1.CX-MT.....

Hà Nam, ngày 20 tháng 3 năm 2024

V/v Đăng ký môi trường cho cơ sở Ký túc xá nhân
viên của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại
Hà Nam

Kính gửi: Ủy ban nhân dân phường Bạch Thượng

Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam là Chủ cơ sở Ký túc xá nhân viên Công ty Honda Việt Nam chi nhánh Hà Nam, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam: Khu công nghiệp Đồng Văn II, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Giấy chứng nhận đầu tư số: 8702735465 ngày 28 tháng 04 năm 2023 của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam chứng nhận thay đổi lần thứ 8.

- Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam: Ông Koji Sugita, Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại: 0226 3 966 666; Fax: 0226 3 572 666

Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam đăng ký môi trường cho Ký túc xá nhân viên của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam Hà Nam với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở

Ký túc xá nhân viên Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam

1.2. Địa điểm cơ sở

Phường Bạch Thượng, Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.3. Các văn bản môi trường, quy mô; công suất; công nghệ và loại hình kinh doanh của cơ sở

1.3.1. Các văn bản liên quan đến môi trường hiện có tại cơ sở

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 51/QĐ-BQLCKCN ngày 26 tháng 05 năm 2021 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng quy mô kỹ túc xá giai đoạn II” của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam;

+ Văn bản số 263/BQLCKCN-MT ngày 29/03/2021 của Ban quản lý Các khu công nghiệp về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án;

+ Sổ đăng ký nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 35.000375.T (Cấp lại lần 03) ngày 29 tháng 10 năm 2021;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1083/TD-PCCC ngày 31 tháng 05 năm 2021 do Công an tỉnh Hà Nam cấp.

1.3.2. Quy mô của cơ sở

- Quy mô của cơ sở: Ký túc xá nhân viên của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam có tổng mức đầu tư là 6.099.518 USD tương đương 146.699.507.418 VNĐ (Một trăm bốn mươi sáu tỷ sáu trăm chín mươi chín triệu năm trăm linh bảy nghìn bốn trăm mười tám đồng Việt Nam) thuộc phân loại dự án nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Tổng diện tích đất của cơ sở là 14.000 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 5.273,6 m²;

+ Diện tích đất cây xanh, thảm cỏ: 3.789,4 m²;

+ Diện tích đất giao thông: 4.937 m².

- Các hạng mục cơ sở hạ tầng đã được xây dựng của được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1. Các hạng mục cơ sở hạ tầng của cơ sở

TT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính			
1	Nhà ký túc xá	2.753	04	19,66
II	Hạng mục công trình phụ trợ			
2	Nhà để xe	2.080	01	14,86
3	Bể + trạm bơm + nhà lọc RO	141,6	01	1,01
4	Nhà bảo vệ	15	01	0,11
5	Nhà để máy phát điện	72	01	0,51
6	Kho LPG	12	01	0,09
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
7	Bể xử lý nước thải sinh hoạt	100	01	0,71
8	Bể nước thải, bể tách mỡ	72	01	0,51
9	Nhà tập kết chất thải nguy hại	27	01	0,19
10	Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải	-		
11	Đất cây xanh, thảm cỏ	3.789,4		27,08
12	Diện tích đất giao thông	4.937		35,26
	TỔNG CỘNG	14.000	-	100

1.3.3. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở cung cấp chỗ ở cho 850 lao động đang làm việc tại nhà máy. Hiện nay số lao động đang ở tại KTX là 515 lao động.

1.3.4. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở cung cấp chỗ ở cho người lao động, do đó không có công nghệ sản xuất như các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1.3.4. Loại hình kinh doanh của cơ sở

Cơ sở không thực hiện kinh doanh thương mại.

2. Nguyên, nhiên liệu, hoá chất, điện, nước sử dụng và sản phẩm của cơ sở

2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu, hoá chất tại cơ sở

Nhu cầu sử dụng hoá chất chủ yếu phục vụ cho hoạt động của hệ thống XLNT công suất 150 m³/ngày đêm của KTX; LPG dùng cho nấu ăn, thông tin được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Nhu cầu sử dụng hoá chất, nguyên liệu, nhiên liệu tại cơ sở

STT	Tên hoá chất	Mục đích	Lượng sử dụng
1	Ethanol	Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi khuẩn Nitrobacter tại hệ thống XLNT	100 ~ 150 Lít/ngày
2	PAC	Chất trợ lắng để keo tụ bùn vi sinh tại hệ thống XLNT	50 ~ 100 Lít/ngày
3	NaOH	Điều chỉnh pH tại hệ thống XLNT	20 ~ 50 Lít/ngày
4	NaOCl	Khử trùng tại hệ thống XLNT	30 ~ 50 Lít/ngày
5	LPG	Phục vụ công tác nấu ăn tại Nhà ăn	360 Kg/Tháng

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam)

2.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho KTX là nguồn 22kV từ hệ thống điện KCN Đồng Văn I mở rộng cấp vào trạm biến áp hạ áp xuống 400V và 220V để phục vụ hoạt động cho toàn bộ khu vực KTX. Ngoài ra, KTX hiện còn trang bị thêm một máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu dầu DO, công suất 275kVA đảm bảo cung cấp điện cho KTX khi bị mất điện đột xuất hoặc theo thông tin cắt điện từ Công ty Điện lực của tỉnh Hà Nam. Máy phát điện được đặt trong phòng kín, khí thải phát sinh từ máy phát điện được thải ra ngoài bằng ống khói lắp đặt trên mái của nhà đặt máy phát điện rồi phát tán ra ngoài môi trường.

Nhu cầu sử dụng điện của KTX được thống kê theo hóa đơn tiền điện sử dụng thực tế hàng tháng và được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng điện năm 2023 của cơ sở

Tháng	Lượng điện sử dụng (kWh/tháng)
Tháng 01/2023	47.886
Tháng 02/2023	41.857
Tháng 03/2023	37.910
Tháng 04/2023	55.305
Tháng 05/2023	72.145
Tháng 06/2023	70.148
Tháng 07/2023	70.283
Tháng 08/2023	68.845
Tháng 09/2023	40.020
Tháng 10/2023	43.251
Tháng 11/2023	45.789
Tháng 12/2023	41.538
Trung bình tháng	52.916

(Nguồn: Hoá đơn tiêu thụ điện tại KTX Nhân viên Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam)

- Trung bình, mỗi tháng cơ sở tiêu thụ 52.916 kWh điện. Lượng điện tiêu thụ phụ thuộc vào số lượng người ở tại KTX (do lượng người ở không cố định) và nhu cầu sử dụng điện thay đổi theo mùa. Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện lực miền Bắc.

2.3. Nhu cầu cấp nước

Nguồn nước cấp sinh hoạt cho KTX từ Công ty Cổ phần cấp nước Setfil Hà Nam thông qua hợp đồng sử dụng nước sạch của KTX với đơn vị này. Nhu cầu cấp nước sạch của KTX được thống kê theo hóa đơn tiền sử dụng nước thực tế hàng tháng và được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước năm 2023 của cơ sở

Tháng	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)
Tháng 01/2023	2.154
Tháng 02/2023	2.169
Tháng 03/2023	2.415
Tháng 04/2023	2.236
Tháng 05/2023	2.340
Tháng 06/2023	1.748
Tháng 07/2023	1.540
Tháng 08/2023	1.655
Tháng 09/2023	2.103
Tháng 10/2023	1.896

Tháng 11/2023	2.235
Tháng 12/2023	2.361
Trung bình tháng	2.071

(Nguồn: Hoá đơn tiêu thụ nước tại KTX Nhân viên Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam)

Trung bình, mỗi tháng KTX tiêu thụ 2.071m³ nước sạch. Tương tự nhu cầu sử dụng điện, lượng nước sử dụng tại KTX phụ thuộc vào số lượng người ở và mức nước sử dụng theo mùa.

Tại KTX sử dụng hệ thống lọc nước RO công suất 5m³/h để phục vụ cho hoạt động nấu ăn cho người lao động. Lượng nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước RO khoảng 2 ~ 3 m³/h sẽ được thu gom và xử lý tại hệ thống XLNT của KTX.

2.4. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở cung cấp chỗ ở cho 850 lao động làm việc tại nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở

3.1. Nước thải sinh hoạt phát sinh

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại Ký túc xá bao gồm 02 nguồn thải:

+ (1) Nguồn nước thải sinh hoạt, trong đó bao gồm: 1-Nước thải từ khu nhà bếp: 13,5m³/ngày đêm; 2-Nước thải từ các bể phốt từ các nhà vệ sinh: khoảng 17,5 m³/ngày đêm; 3-Nước thải từ nước tắm, giặt và các sinh hoạt khác: khoảng 28m³/ngày đêm;

+ (2) Nguồn nước thải từ hệ thống lọc nước RO: khoảng 2 ~ 3 m³/giờ.

Lượng nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào số lượng người ở và mức nước sử dụng theo mùa

Như vậy tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 66 m³/ngày đêm - 69m³/ngày đêm.

3.2. Chất thải phát sinh

3.2.1. Chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

Cơ sở hiện có khoảng 515 cán bộ công nhân viên. Chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên tại cơ sở khoảng 61,3 kg/ngày tương đương với 22,357 tấn/năm.

Thành phần các loại chất thải rắn sinh hoạt và thông thường ước tính như sau:

Bảng 5. Khối lượng và chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hiện tại

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
I	Chất thải sinh hoạt	22,357
II	Bùn thải từ bể tự hoại	100 m ³ /năm
III	Cặn bùn từ quá trình xử lý nước thải (*)	2,944

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam)

Ghi chú: (*) Cặn bùn từ quá trình xử lý nước thải đang được Công ty quản lý theo CTNH.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Lượng CTNH phát sinh tại Ký túc xá được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6. Các loại CTNH phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang (*)	Rắn	20	16 01 06
2	Pin thải (*)	Rắn	03	19 06 01
3	Rác thải y tế (*)	Rắn	03	13 01 01

(Nguồn: Báo cáo quản lý chất thải năm 2023 của Chi nhánh Công ty Honda Việt Nam tại Hà Nam)

Ghi chú: (*) Là các loại CTNH khác có thể phát sinh trong thời gian hoạt động của KTX. Thực tế năm 2023, tại KTX chỉ phát sinh cặn bùn từ quá trình xử lý nước thải.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước mưa, nước thải

4.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng ống PVC đường kính D90mm sau đó chảy xuống rãnh thoát nước mặt chạy quanh khuôn viên ký túc xá và khu sân đường nội bộ. Cuối cùng nước mưa được thu vào hố ga để lắng cặn trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của KCN.

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom vào hệ thống cống bê-tông cốt thép đường kính D400mm - D800mm, độ dốc 0,5%. Trên chiều dài và những chỗ ngoặt của hệ thống thu dẫn nước mưa có lắp đặt song chắn rác, xây các hố ga để thu cặn trước khi thải ra hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồng Văn I mở rộng. Các chất cặn lắng này được ký túc xá thường xuyên nạo vét đảm bảo cho hệ thống thoát nước mưa hoạt động tốt.

Tổng chiều dài của hệ thống thu gom nước mưa là 581,5m, trong đó rãnh thoát nước mưa D400mm dài 341m; rãnh thoát nước mưa D500mm dài 174m; rãnh thoát nước mưa D600mm dài 48m; rãnh thoát nước mưa D800mm dài 18,5m. Trên hệ thống thu gom thoát nước mưa, bố trí 27 hố ga để lắng cặn, có 04 loại hố ga khác nhau, cụ thể:

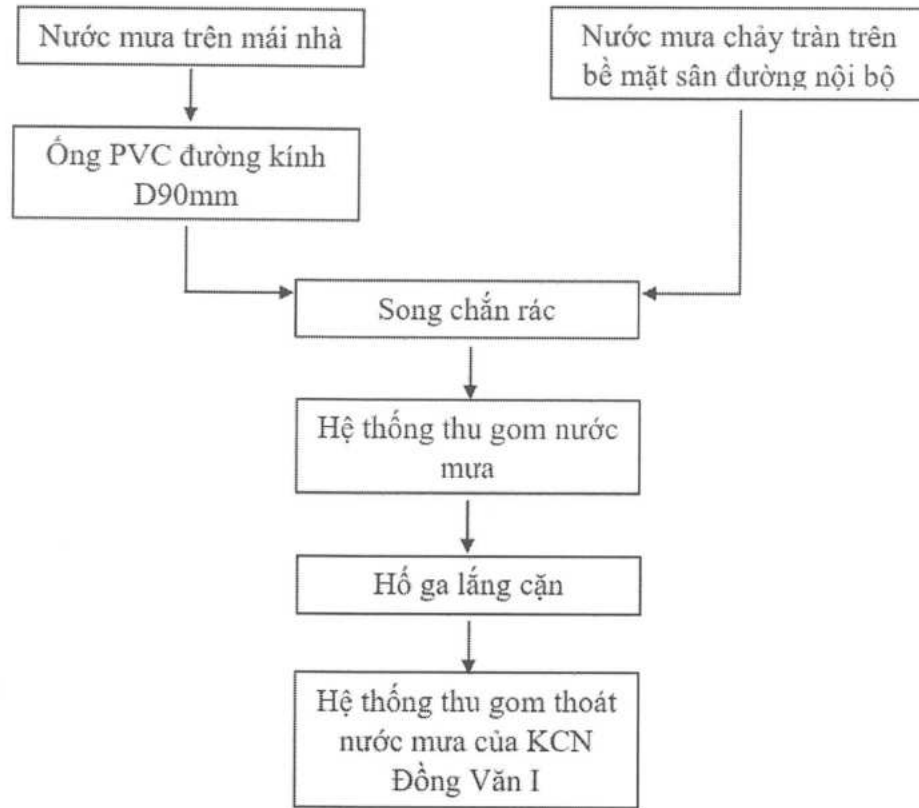
+ 18 hố ga loại 1 kích thước: dài x rộng x cao = 0,94m x 0,94m x 1,6m;

+ 06 hố ga loại 2 kích thước: dài x rộng x cao = 0,9m x 0,7m x 1,3m;

+ 01 hố ga loại 3 kích thước: dài x rộng x cao = 0,9m x 0,8m x 1,4m;

+ 02 hố ga loại 4 kích thước: dài x rộng x cao = 1,3m x 1,2m x 1,57m.

- Nước mưa từ KTX được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồng Văn I mở rộng.



Hình 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Ký túc xá

Nước mưa sau khi thu gom sẽ dẫn về 02 điểm thoát nước mưa đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Đồng Văn I mở rộng. Tọa độ 02 điểm thoát nước mưa như sau:

- + Điểm thoát nước mưa thứ 1: X = 2.285.079m; Y = 596.436m;
- + Điểm thoát nước mưa thứ 2: X = 2.285.083m; Y = 596.540m.

4.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải

❖ Công trình thu gom nước thải:

Nước thải từ nhà ăn và căng tin được dẫn qua song chắn rác sau đó được thu gom vào 01 bể tách dầu mỡ có tổng thể tích là 36,25 m³ (kích thước dài x rộng x cao = 5m x 2,5m x 2,9m). Đường ống thu gom nước thải từ bể tách dầu mỡ đến hố ga thu gom có chiều dài 40m, được làm bằng ống nhựa PVC đặt ngầm dưới đất có đường kính D140mm.

Nước thải sinh hoạt phát sinh được gom về 02 bể tự hoại có tổng thể tích 95 m³. Trong đó:

+ Bể tự hoại số 01 có thể tích 60 m³ (kích thước dài x rộng x cao = 10m x 3m x 2m). Nước thải từ bể tự hoại số 01 về hệ thống XLNT bằng đường ống nhựa HDPE đường kính D110mm có chiều dài 150m.

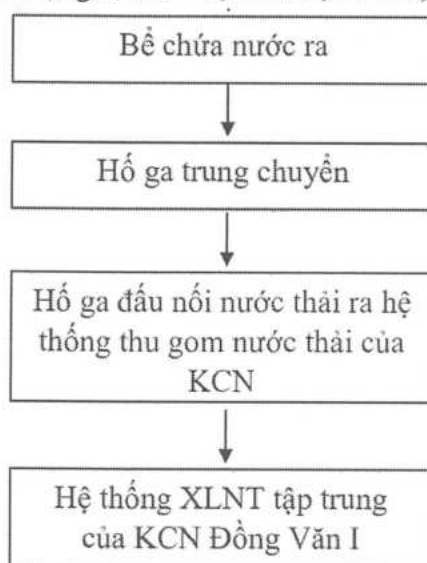
+ Bể tự hoại số 02 có thể tích 35 m³ (kích thước dài x rộng x cao = 5m x 3,5m x 2m). Nước thải từ bể tự hoại số 02 về bể tự hoại số 01 bằng đường ống nhựa HDPE đường kính D140mm có chiều dài 105m.

❖ Công trình thoát nước thải

Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B được dẫn đến bể chứa nước ra → Hồ ga trung chuyển → Hồ ga đầu nối nước thải ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng → Hệ thống XLNT tập trung của KCN.

Hồ ga trung chuyển có kích thước dài x rộng x cao = 0,8m x 0,8m x 0,8m. Từ hồ ga trung chuyển, nước thải được tiêu thoát đến hồ ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng có chiều dài 10m, sử dụng đường ống HDPE đường kính D140mm.

Hồ ga đầu nối nước thải ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng có kích thước dài x rộng x cao = 0,8m x 0,8m x 0,8m.



Hình 2. Sơ đồ thoát nước thải

4.1.3. Công trình xử lý nước thải

- Bể được xây dựng bằng BTCT. Phòng điều khiển được đặt trên nắp bể để thuận tiện cho việc quản lý vận hành.

- Các máy móc, thiết bị (tủ điện - điều khiển, máy thổi khí,...) được bố trí lắp đặt trong khu vực có mái che đảm bảo an toàn và không gian hoạt động cho máy móc, thiết bị.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở có công suất thiết kế là 150 m³/ngày đêm. Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý tập trung sẽ đạt tiêu chuẩn cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng.

- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát: Công ty Cổ phần xây dựng và công nghiệp NSN

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm

- Hóa chất sử dụng:

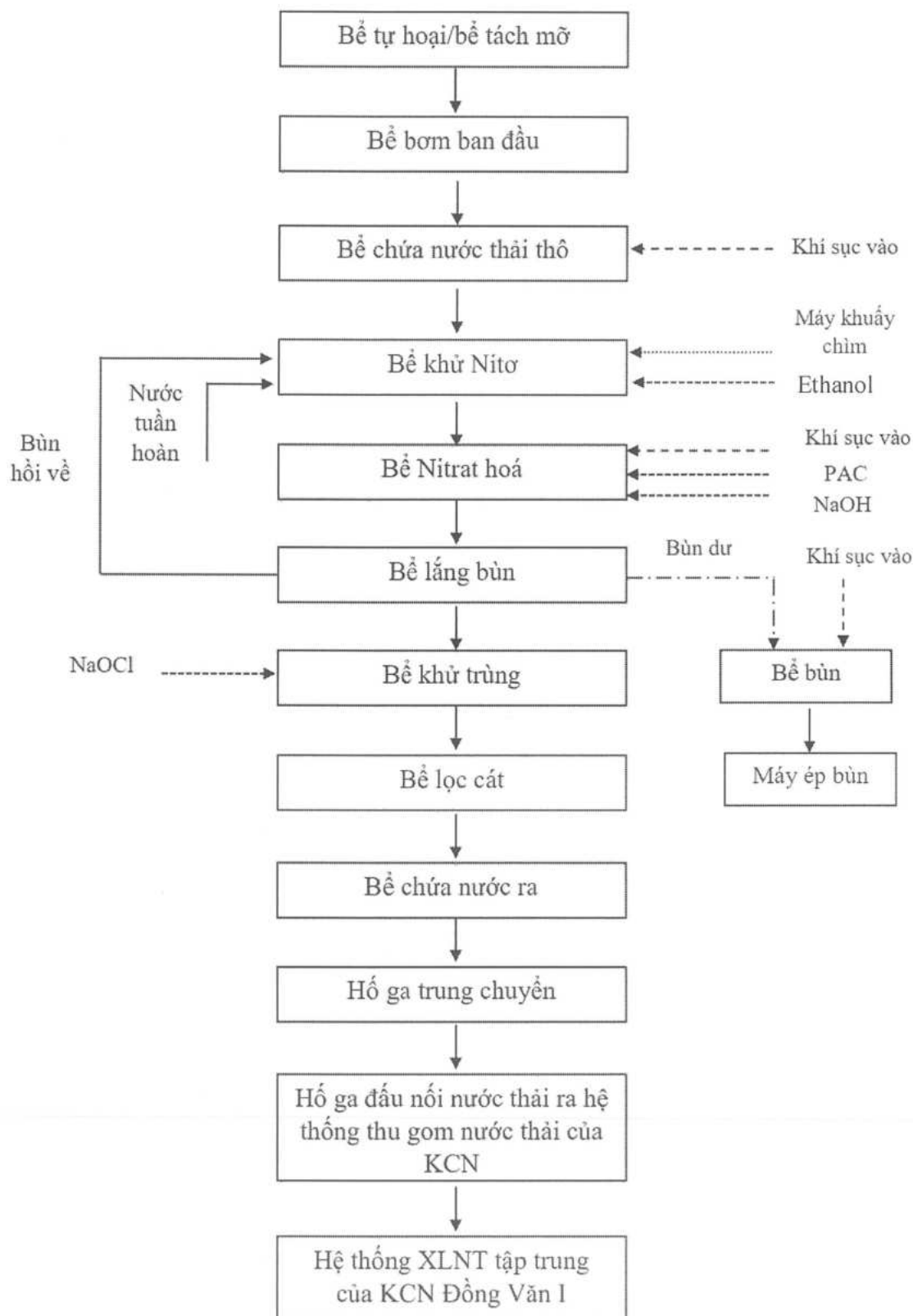
Bảng 7. Nhu cầu sử dụng hoá chất tại hệ thống XLNT

STT	Tên hoá chất	Mục đích	Lượng sử dụng
1	Ethanol	Bổ sung dinh dưỡng cho hệ thống	100 ~ 150 Lít/ngày
2	PAC	Chất trợ lắng để keo tụ bùn vi sinh	50 ~ 100 Lít/ngày
3	NaOH	Điều chỉnh pH	20 ~ 50 Lít/ngày
4	NaOCl	Khử trùng	30 ~ 50 Lít/ngày

- *Mức tiêu thụ điện năng ước tính:* 4.500 kWh/tháng

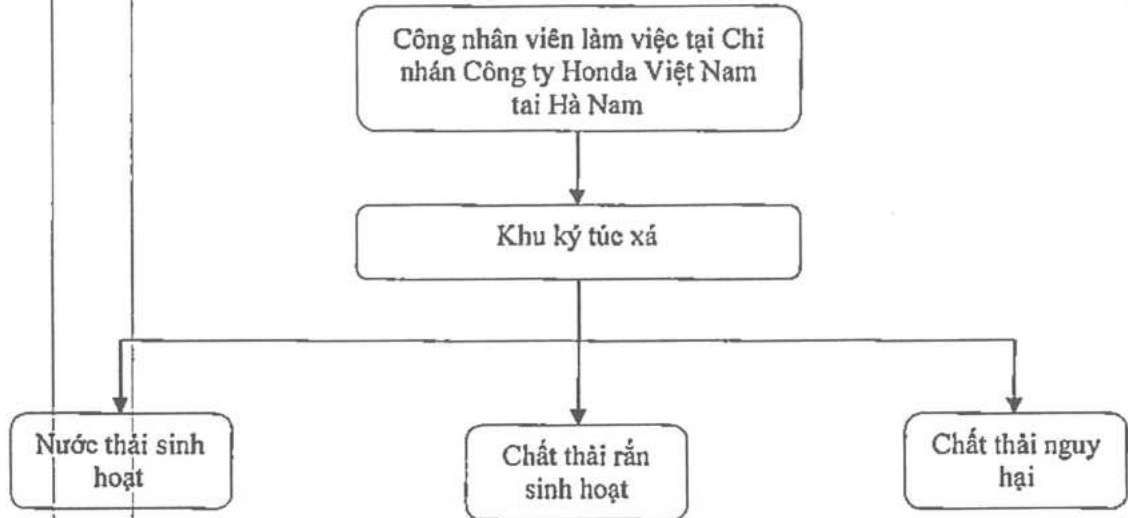
Tóm tắt quy trình xử lý như sau:

Nước thải đen, nước thải xám được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ → Bể bơm ban đầu → Bể chứa nước thải thô → Bể khử Nitơ → Bể Nitrat hoá → Bể lắng bùn → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Bể chứa nước ra → Hồ ga trung chuyển → Hồ ga đầu nổi nước thải ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I mở rộng → Hệ thống XLNT tập trung của KCN. Dưới đây là sơ đồ quy trình công nghệ của hệ thống XLNT tại KTX:



Hình 3. Sơ đồ quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ của hệ thống:



1.5. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tình trạng
I CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH						
1	Nhà ký túc xá giai đoạn 1	04	2.033	8.132	14,52	Đang hoạt động
2	Nhà ký túc xá giai đoạn 2	04	720	2.880	5,14	
II CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ						
1	Nhà để xe máy giai đoạn 1	01	1.440	1.440	10,29	Đang hoạt động
2	Nhà LPG	01	12	12	0,09	Đang hoạt động
3	Trạm bơm, Nhà RO, bể PCCC	01	141,6	141,6	1,01	Đang hoạt động
4	Nhà bảo vệ	01	15	15	0,11	Đang hoạt động
5	Nhà để máy phát điện	01	72	72	0,51	Đang hoạt động
6	Nhà để xe giai đoạn 2	01	640	640	4,57	
III CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG						
1	Bể xử lý nước thải sinh hoạt	01	100	100	0,71	Đang hoạt động

STT	Các hạng mục công trình	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tình trạng
2	Bể nước thải, bể tách mỡ	01	72	72	0,51	Đang hoạt động
3	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải	-	-	-	-	Đang hoạt động
4	Nhà tập kết rác thải sinh hoạt	-	27	27	0,19	Đang hoạt động
IV	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH, THẨM CỎ GIAI ĐOẠN I	-	3.377,4	-	24,12	
V	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH, THẨM CỎ GIAI ĐOẠN II	-	412	-	2,94	
VI	DIỆN TÍCH ĐẤT GIAO THÔNG	-	4.937	-	35,26	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	-	14.000	-	100%	

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Đối với môi trường không khí:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy do sử dụng xăng dầu như xe gắn máy;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu;

+ Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

- Đối với môi trường nước: nước thải sinh hoạt.

- Đối với chất thải: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong quá vận hành của dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải sinh hoạt: 63,75/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là ô nhiễm hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật.

Nước thải từ hệ thống lọc RO là 8m³/ngđ

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy do sử dụng xăng dầu như xe gắn máy có tải lượng là: Bụi 0,0089 mg/m.s; SO₂ 0,0012 mg/m.s; NO_x 1,32 mg/m.s; CO: 20,7 mg/m.s; VOCs 2,07 mg/m.s.

- Mùi từ hoạt động đun nấu có tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh như sau: Bụi $9,76 \cdot 10^{-5} \text{ mg/m}^3$, SO_2 $1,9 \cdot 10^{-5} \text{ mg/m}^3$, NO_2 $0,18 \text{ mg/m}^3$, mg/m^3 , CO $5,86 \cdot 10^{-4} \text{ mg/m}^3$, VOC $1,07 \cdot 10^{-4} \text{ mg/m}^3$

- Mùi hôi thối từ khu vực lưu giữ rác thải: thành phần chủ yếu là N_2 , CH_4 , CO_2 , H_2S ,...;

- Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: thành phần chủ yếu là mùi hôi, CH_4 , NH_3 , H_2S , CO_2 ...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sản xuất

Rác thải sinh hoạt gồm: giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,...Khối lượng phát sinh khoảng $416,5 \text{ kg/ngày}$.

Bùn thải từ bể tự hoại: Khối lượng phát sinh khoảng $120 \text{ m}^3/\text{năm}$

2.2.4 Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh của ký túc xá gồm: bóng đèn huỳnh quang hỏng; pin, ắc quy chì thải; rác thải y tế với khối lượng phát sinh khoảng 90 kg/năm .

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

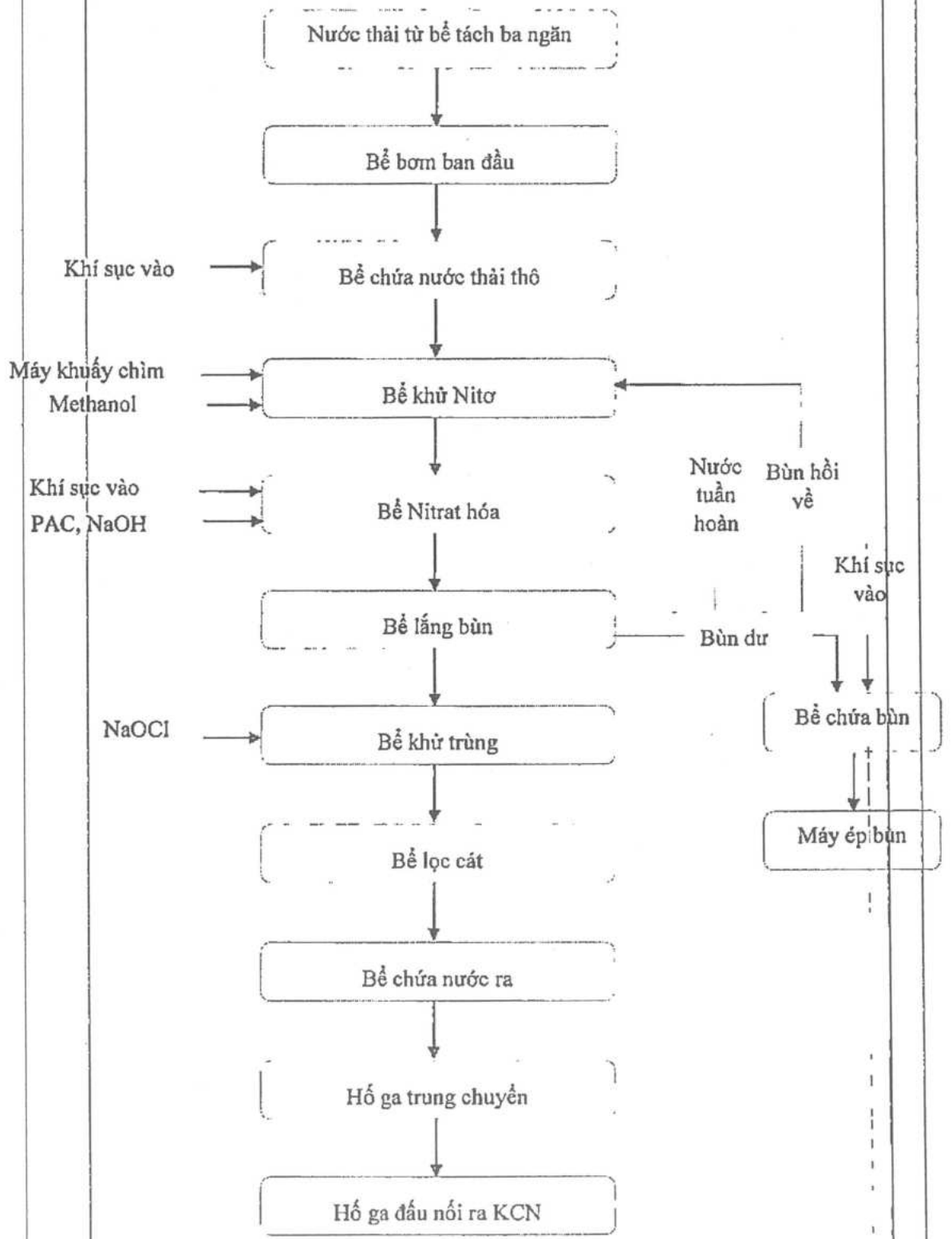
3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bao gồm nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn, nước thải sẽ được thu gom và xử lý riêng biệt.

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại có tổng thể tích 95 m^3 , nước thải nhà bếp được xử lý bằng bể tách dầu mỡ có thể tích 30 m^3 trước khi đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Bùn sinh ra trong quá trình xử lý định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới đem đi xử lý.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ như sau:



Thông số kỹ thuật chính của HTXLNTSH

STT	Hạng mục	Số lượng	Thể tích
1	Bể chứa nước thải ban đầu	01	55 m ³
2	Bể chứa nước thải thô	01	65m ³
3	Bể khử nitơ	01	68 m ³
4	Bể nitrat hóa	01	112 m ³
5	Bể lắng	01	20 m ³
6	Bể khử trùng	01	3,8 m ³
7	Bể lọc cát	01	D1160xH1825
8	Bể chứa nước ra	01	11 m ³
9	Bể chứa bùn	01	7 m ³

Danh mục các thiết bị chính của HTXLNTSH

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm chuyển nước thải thô	20m ³ /h	Chiếc	2
2	Bơm nước thải thô	6,25m ³ /h x6mH	Chiếc	2
3	Công tắc mức phao		Bộ	1
4	Bể chính lưu lượng số 1	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1
5	Máy khuấy trộn chìm	P = 0,75 KW	Chiếc	1
6	Bộ điều khiển (đầu đo) pH	Khoảng đo: 0-14	Chiếc	1
7	Bơm tuần hoàn nước	9,4m ³ /h x6mH	Chiếc	1
8	Bộ phân phối khí	Loại đĩa, bọt khí mịn	Bộ	1
9	Bể chính lưu lượng số 2	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1
10	Bơm tuần hoàn bùn	6,25m ³ /h x7mH	Chiếc	1
11	Bể đo lưu lượng bùn hồi lưu	Vật liệu: Nhựa composit (FRP)	Chiếc	1
12	Bơm cấp lọc ly tâm	10m ³ /h x25mH	Chiếc	2
13	Bơm lấy mẫu ly tâm	1,2m ³ /h x20mH	Chiếc	1
14	Máy ép bùn khung bản	100L/cycle x2,2kW	Chiếc	1
15	Máy thổi khí khuấy trộn	3,69Nm ³ /min x 4000mmAq	Chiếc	1

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
16	Máy thổi khí	3,69Nm ³ /min x 4000mmAq	Chiếc	1
17	Máy nén khí	300l/min x 2,2kW	Chiếc	1
18	Bồn hóa chất ethanol	Thể tích: 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
19	Bơm ethanol 10%	200cc/min x 0,02kW	Chiếc	1
20	Bơm NaOH 20%	100cc/min x 0,022kW	Chiếc	1
21	Bồn hóa chất NaOH	Thể tích: 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
22	Bồn hóa chất NaOCl	Thể tích: 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
23	Bơm NaOCl 10%	38cc/min x 0,016kW	Chiếc	1
24	Bồn hóa chất PAC	Thể tích: 300l, vật liệu PE	Chiếc	1
25	Bơm PAC 10%	100cc/min x 0,022kW	Chiếc	1

Nhu cầu sử dụng hóa chất, chế phẩm sinh học

STT	Tên hóa chất	Mục đích	Khối lượng sử dụng
1	Ethanol 10%	Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi khuẩn Nitrobacter	112,5 kg/ngày
2	PAC 10%	Xử lý tổng photpho	75kg/ngày
3	NaOH 20%	Điều chỉnh pH	75kg/ngày
4	NaOCl 8%	Khử trùng	9,375kg/ngày

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thu gom triệt để toàn bộ khối lượng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án về trạm XLNT tập trung để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I.

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải sinh hoạt: bố trí 50 thùng chứa rác tại các khu vực phát sinh; bố trí 02 kho chứa CTRSH rộng 13,5 m²/kho. Nhà máy sẽ ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt. Tần suất thu gom không quá 48h theo quy định.

Kho chứa bùn thải từ trạm XLNT diện tích 8,5m²/kho

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý, quản lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện của dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại riêng biệt vào các thùng chứa có nắp đậy thể tích 150 lít, bao bì chứa kín và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH,

kí hiệu và tên từng loại CTNH theo TT 36:2015/TT-BTNMT, lưu trữ tạm thời tại 01 kho chứa diện tích 8,5m². Kho chứa CTNH được lắp đặt cửa ra vào, có khóa và có biển báo, nền nhà kho láng xi măng và có bố trí rãnh xung quanh kho.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, quản lý, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh dự án để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động giao thông tới môi trường xung quanh.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của nhà máy → hồ ga lắng cặn → hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Đồng Văn I.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy hoạch xây dựng.
- Đầu nối và vận hành hiệu quả mạng lưới thoát nước mưa nội bộ của dự án, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước mưa, nghiêm cấm xả các loại chất thải, nước thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Để phòng ngừa các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hồ ga và tuyến cống nhằm bảo đảm khả năng hoạt động liên tục của hệ thống, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa, nạo vét, bảo trì và kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

+ Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Tiến hành lấy mẫu phân tích nước thải định kỳ để có phương án xử lý kịp thời.

+ Thường xuyên nạo vét, vệ sinh các bể xử lý và vận chuyển bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải 1-2 tháng/lần.

- Phương án khắc phục khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Ngừng xả nước thải để khắc phục sự cố.

+ Liên hệ với đơn vị thiết kế để tìm hiểu nguyên nhân sự cố và cách khắc phục.

+ Trong trường hợp có thiết bị, máy móc bị hư hỏng thì phải tiến hành thay thế một cách nhanh chóng để tránh tình trạng toàn bộ hệ thống không đạt hiệu quả và ú đọng nước thải.

b. Công tác phòng cháy và chữa cháy:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy;

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa;
- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất thiết kế 150 m³/ngày.đêm (đang hoạt động).

- 02 kho lưu chứa rác thải sinh hoạt với diện tích 13,5 m² (đang hoạt động).

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 8,5 m² (đang hoạt động).

- 01 kho lưu chứa bùn thải với diện tích 8,5 m² (đang hoạt động).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án như sau:

STT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn áp dụng/Giới hạn cho phép	Tần suất
A	GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI			
1	NT: Nước thải sinh hoạt sau xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Văn I	Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, BOD ₅ , COD, TSS, Fe, Dầu mỡ khoáng, Dầu mỡ động thực vật, Clo dư, Sunfua (tính theo H ₂ S), Florua, Clorua, Amoni (NH ₄ ⁺), Tổng N, Tổng P, Colifoms	QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B)	3 tháng/lần
B	GIÁM SÁT CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT			
1	Nơi tập kết chất thải rắn sinh hoạt khu vực thi công xây dựng	Thành phần, lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải	–	Hằng ngày
C	GIÁM SÁT CHẤT THẢI NGUY HẠI			
1	Nơi tập kết chất thải nguy hại khu vực thi công xây dựng	Thành phần lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải, mã CTNH, khối lượng CTNH.	–	Hằng ngày
D	GIÁM SÁT SỰ CỐ, RỦI RO			

STT	Vị trí giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn áp dụng/Giới hạn cho phép	Tần suất
1	Khu vực thi công xây dựng	Giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, an toàn PCCC	-	Hằng ngày

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này;

- Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện dự án.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất;

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động, an toàn vệ sinh phẩm, vệ sinh môi trường./.



PHỤ LỤC 2
CÁC BẢN VẼ MÔI TRƯỜNG

HIỆU CHỈNH THIẾT KẾ

Lần	Nội dung căn hiệu chỉnh	Duyệt
1		
2		

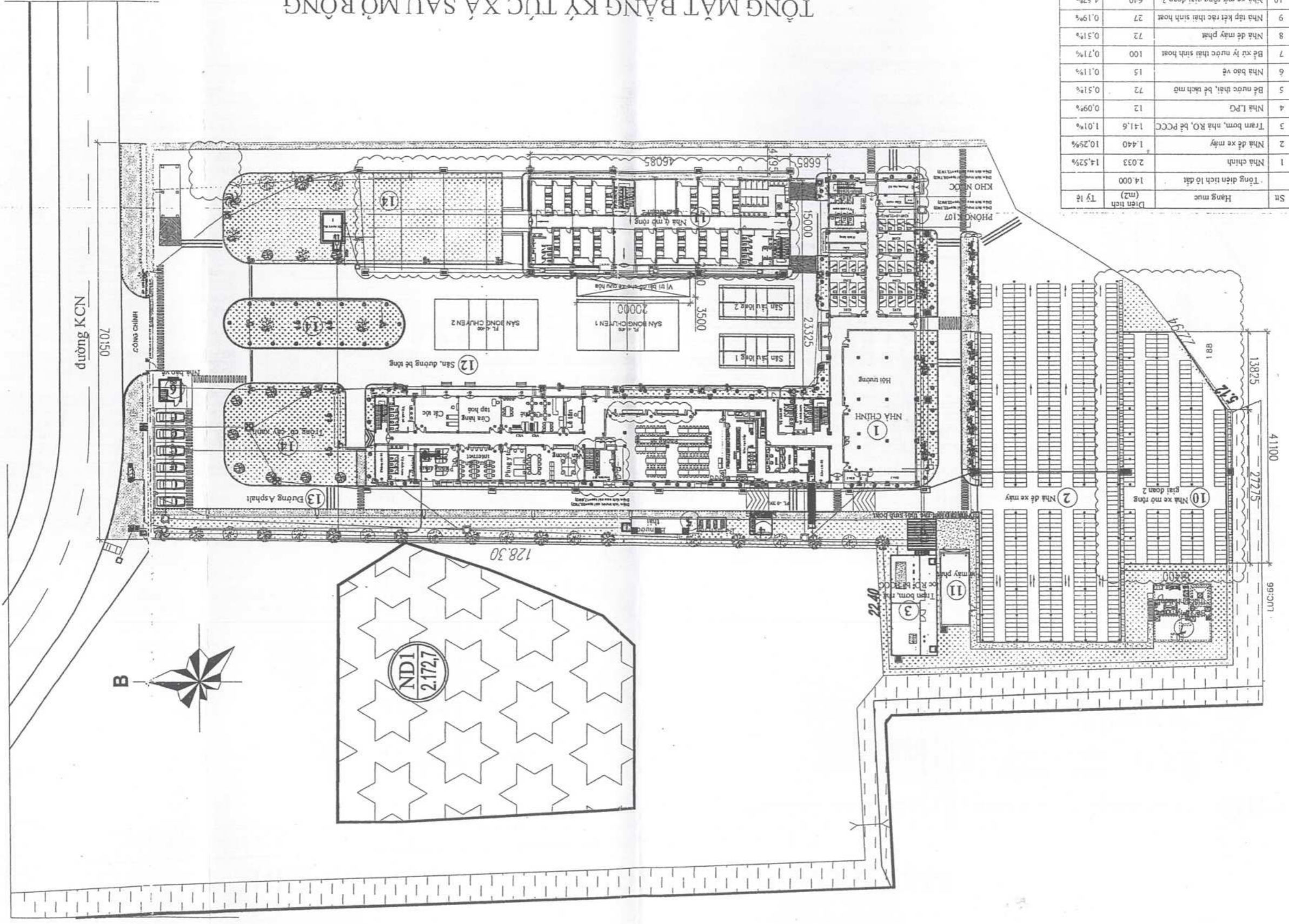
Chủ đầu tư: M.S.C. CHI NHÁNH CÔNG TY BONDIA VIỆT NAM
 DUY TIẾN - HỒI
 Dự án: KCN

Địa điểm: KCN
 Hàng mục: Work
 Tên gói thầu: Name Item



Đơn vị thiết kế chế tạo: CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT
 Địa chỉ: Phòng 801 - 137A Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
 Số điện thoại: (84 - 4) 222 07918
 Tổng giám đốc: Lê Thanh Lương
 Chủ nhiệm dự án: Vương Việt Cường
 Chủ trì thiết kế: Nguyễn Văn Tuấn
 Về: Nguyễn Văn Tuấn

Ty lệ	Scale	Mã số Pro number
A3:1/700	60	
Ngày Date	Số BV Dwg no	
18/05/2021	KT.02	



Stt	Hàng mục	Diện tích (m2)	Tỷ lệ
1	Nhà chính	2.033	14,52%
2	Nhà đè xe máy	1.440	10,25%
3	Trạm bơm, nhà RO, bể PCCC	141,6	1,01%
4	Nhà LPG	12	0,09%
5	Bể nước thải, bể tách mỡ	72	0,51%
6	Nhà bảo vệ	15	0,11%
7	Bể xử lý nước thải sinh hoạt	100	0,71%
8	Nhà đè máy phát	72	0,51%
9	Nhà tập kết rác thải sinh hoạt	27	0,19%
10	Nhà xe mô rộng giải đoạn 2	640	4,57%
11	Nhà ô mô rộng giải đoạn 2	720	5,14%
	Tổng diện tích xây dựng	5273,6	37,67%
12	Sân, đường bê tông	2.808,5	20,06%
13	Đường Asphalt	2.128,5	15,20%
14	Trồng cỏ, cây cảnh	3.789,4	27,07%

TỔNG MẶT BẰNG KỸ TỤC XAU MOPHONG



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GD2

Lần	Nội dung chỉnh sửa
1	
2	

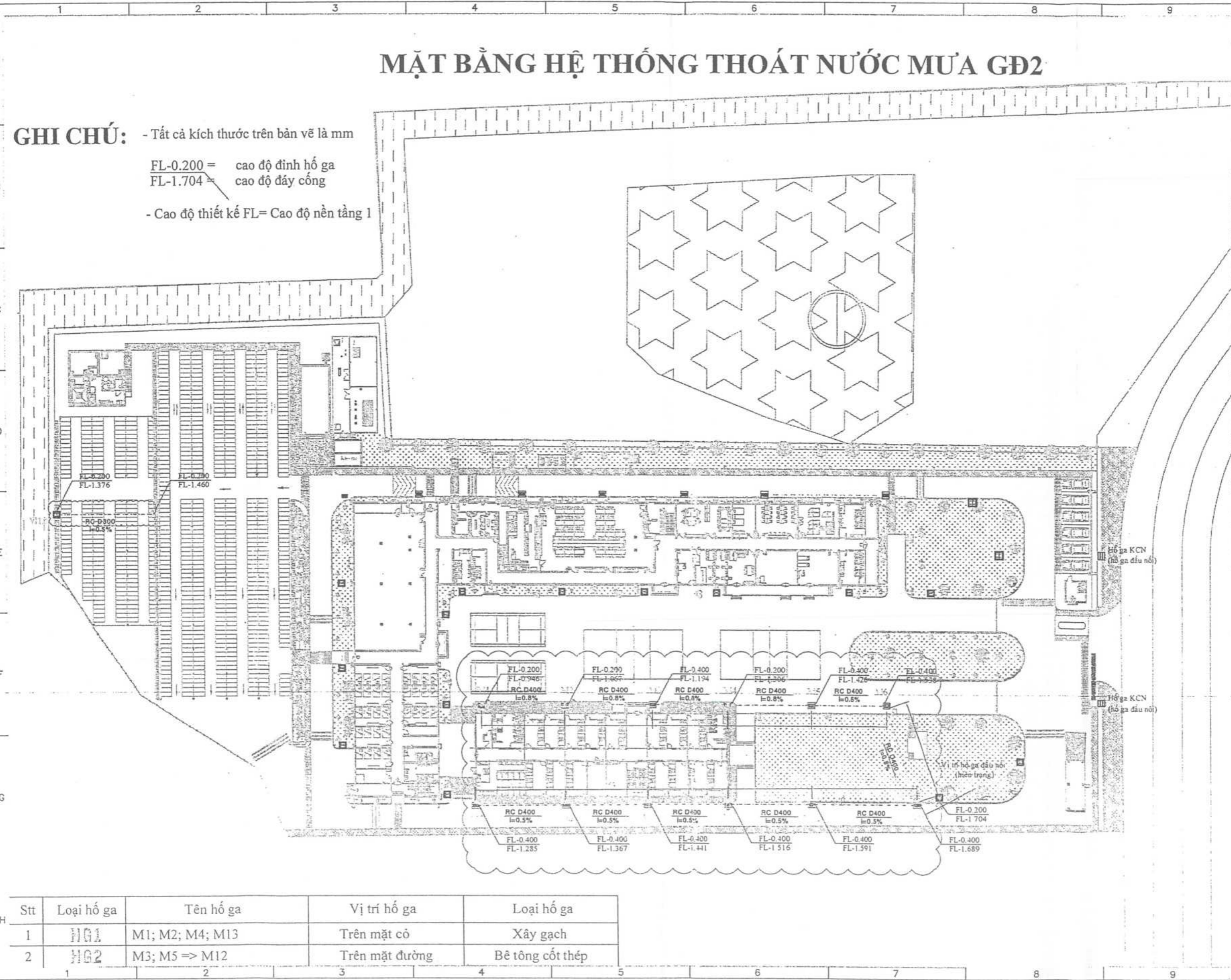
Chủ đầu tư Client
CÔNG TY TNHH HONDA VIỆT NAM
 Dự án Project
XÂY DỰNG KÝ TỨC XÁ GIAI ĐOẠN 2
 Địa điểm Location
 Đồng Văn 1, Duy Tiên, Hà Nam
 Hạng mục Work
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
 Tên gói thầu Name item



Đơn vị thiết kế chế tạo Contractor
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT
 Địa chỉ: Phòng 801 - 137A Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội
 Số điện thoại: (84 - 4) 222 07918
 Tổng giám đốc General Director
 Lê Thanh Lương
 Chủ nhiệm dự án Project Leader
 Chủ trì thiết kế Design Leader

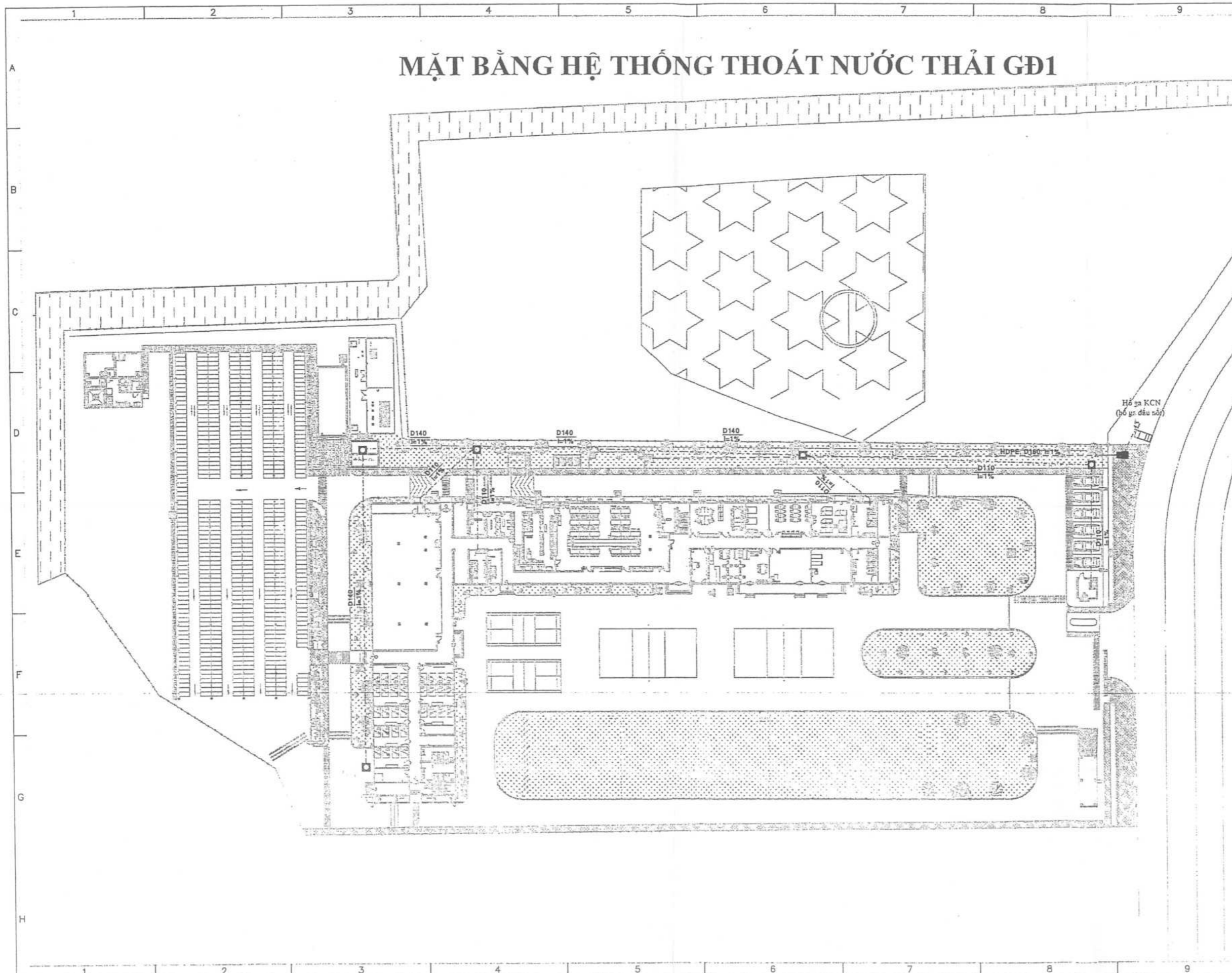
Vẽ Drawing
 Giai đoạn Period
 Thiết kế thi công
 Tên bản vẽ Dwg title
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
 Tỷ lệ Scale Mã số Pro number
 A3-1/600 2103096S
 Ngày Date Số BV Dwg no
 28/04/2021 HNM-HTTN-01

GHI CHÚ: - Tất cả kích thước trên bản vẽ là mm
 FL-0.200 = cao độ đỉnh hố ga
 FL-1.704 = cao độ đáy cống
 - Cao độ thiết kế FL = Cao độ nền tầng 1



Stt	Loại hố ga	Tên hố ga	Vị trí hố ga	Loại hố ga
1	HG1	M1; M2; M4; M13	Trên mặt cỏ	Xây gạch
2	HG2	M3; M5 => M12	Trên mặt đường	Bê tông cốt thép

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI GĐ1



Lần	Nội dung cần hiệu chỉnh
1	
2	

Chủ đầu tư Client

CÔNG TY TNHH HONDA VIỆT NAM

Dự án Project

XÂY DỰNG KÝ TÚC XÁ GIAI ĐOẠN 2

Địa điểm Location

Đông Văn 1, Duy Tiên, Hà Nam

Hạng mục Work

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

Tên gói thầu Name Item

CNV Group
ENGINEERING & CONSTRUCTION

Đơn vị thiết kế chế tạo Contractor

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP VIỆT

Địa chỉ: Phòng 801 - 137A
Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội
Số điện thoại: (84 - 4) 222 07918

Tổng giám đốc General Director

Lê Thanh Lương

Chủ nhiệm dự án Project Leader

Chủ trì thiết kế Design Leader

Vẽ Drawing

Giai đoạn Period

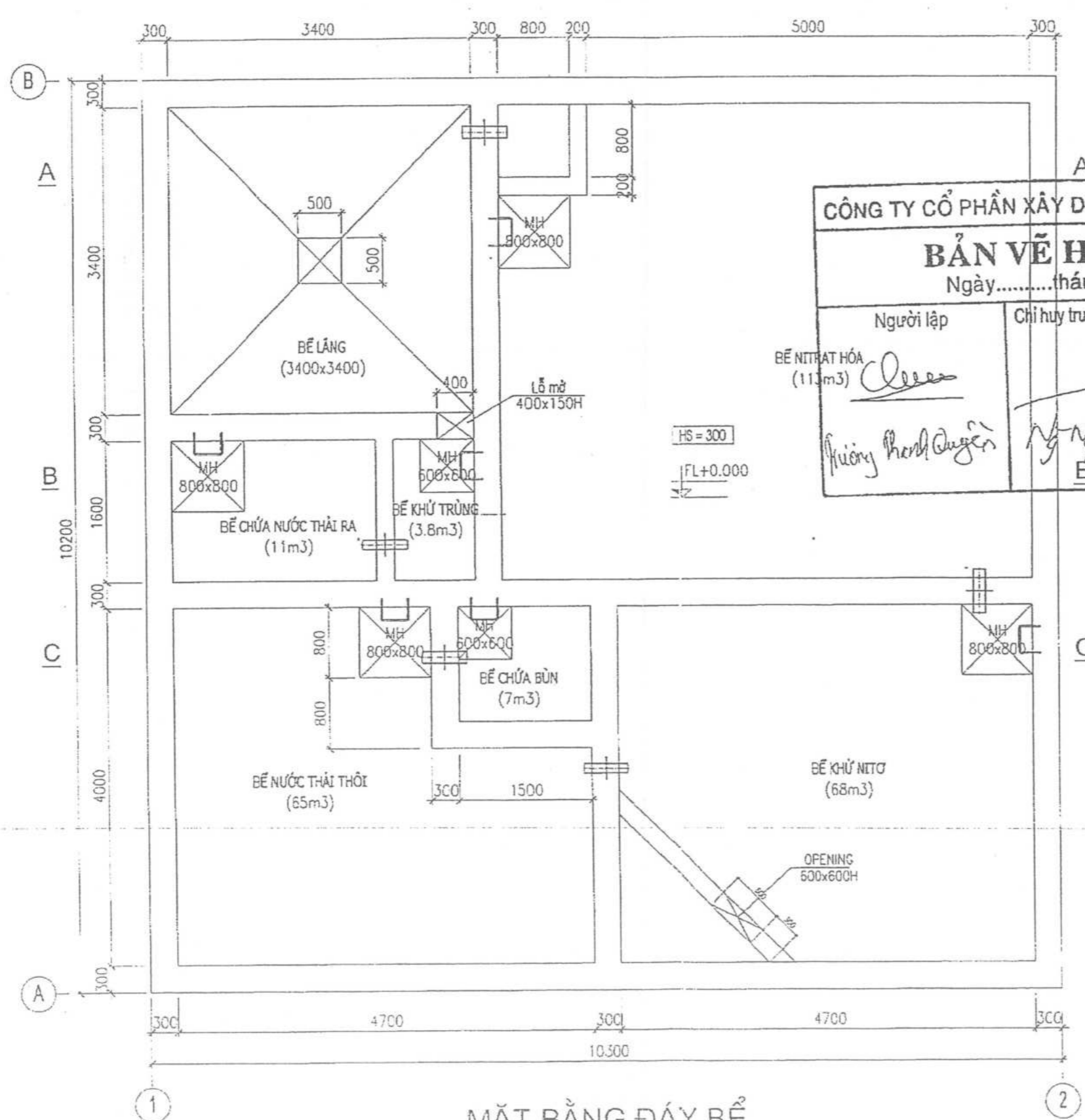
Thiết kế thi công

Tên bản vẽ Dwg title

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT THẢI GĐ1

Tỷ lệ Scale	Mã số Pro number
A3-1/600	2103095S
Ngày Date	Số BV Dwg no
28/04/2021	HNM-HTTN-01





MẶT BẰNG ĐÁY BỂ
BOTTOM PLAN OF TANK

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)
CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
DUY TIÊN - HÀ NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập BỂ NITRAT HÓA (11m³) <i>Nguyễn Thanh Dương</i>	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Ngọc Châu</i>	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
--	--	-------------------------------------

THẦU CHÍNH (MAIN CONTRACTOR)
NSN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING COMPANY
Số 11, Ngõ 02, Phố Kim Quang Thượng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, TP Hà Nội
Số 11, Lã Vọng, Kim Quang Thượng, STP Việt Hưng Ward, Long Biên Dist, Hà Nội City

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT TẠI KỶ TỨC XÃ NHẬN VIỆN TẠI HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:
KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN MỞ RỘNG - THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
THẠCH HOÀNG NGỌC

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER:
ĐỖ HẢI THUẬN

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:
NGUYỄN VIỆT DŨNG

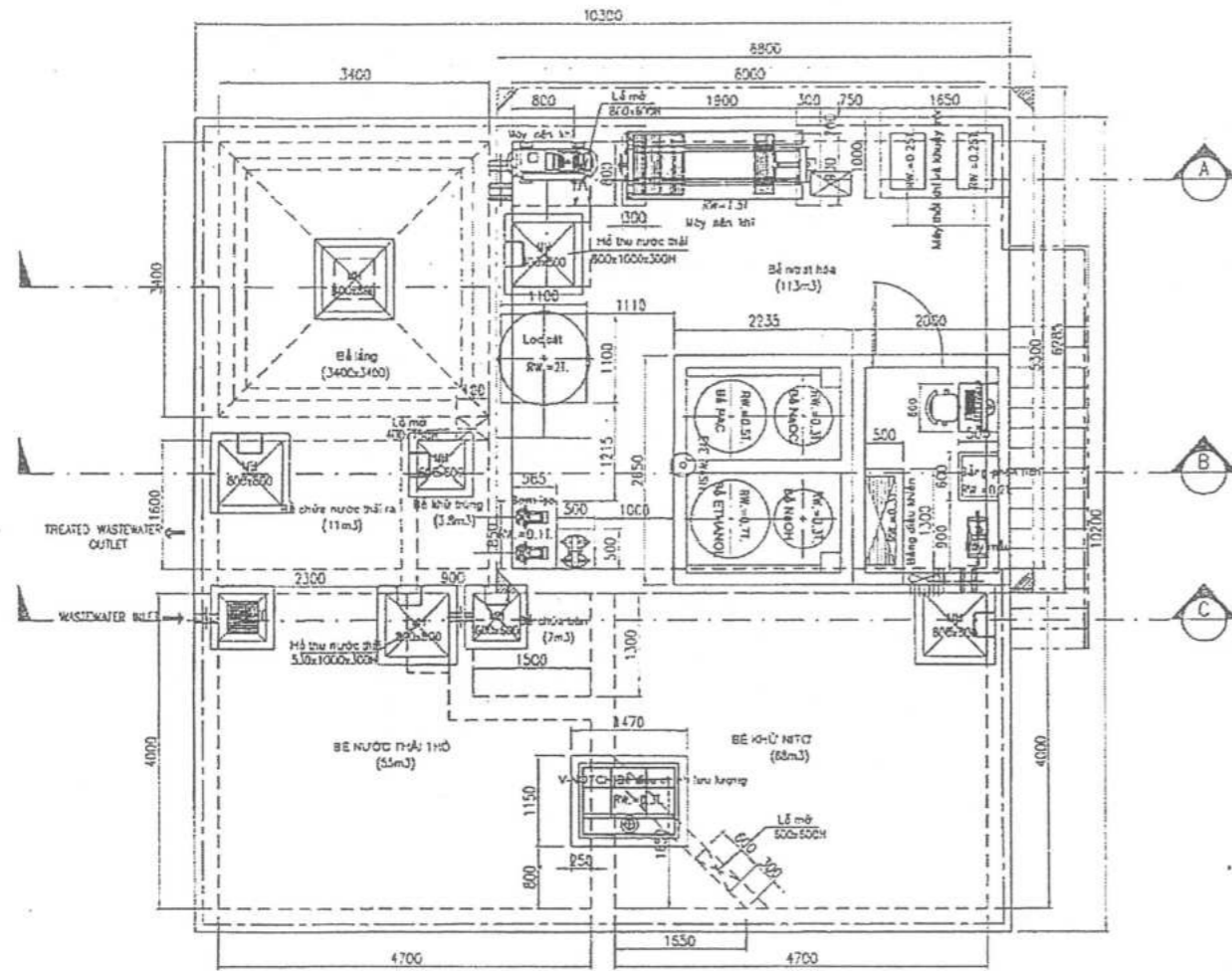
KIỂM TRA / CHECKED BY:
KTS. LÊ VIỆT THẮNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME:
BẢN VẼ MẶT BẰNG ĐÁY BỂ

GH CHÚ / NOTE:

NGÀY / DATE	CHỈNH SỬA / REVISION
AUGUST - 2020	Δ REV. 3
	Δ
	Δ

TỶ LỆ / SCALE: 1:50
KÝ HIỆU BẢN VẼ / DWG. NO: ME-04



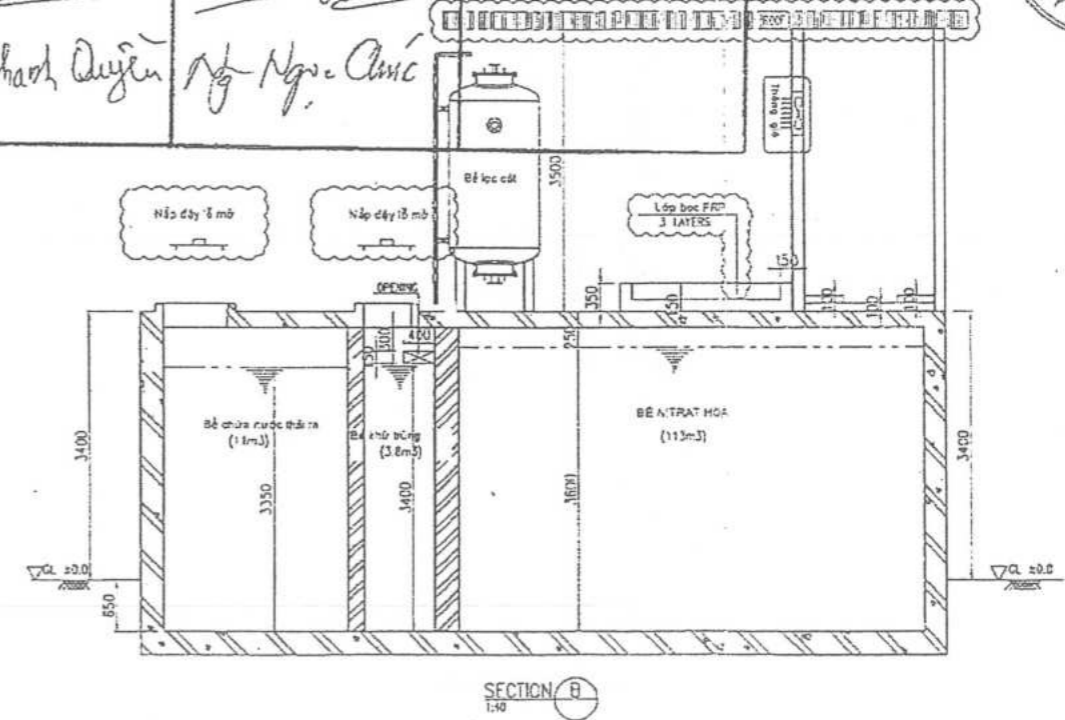
TOP PLAN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

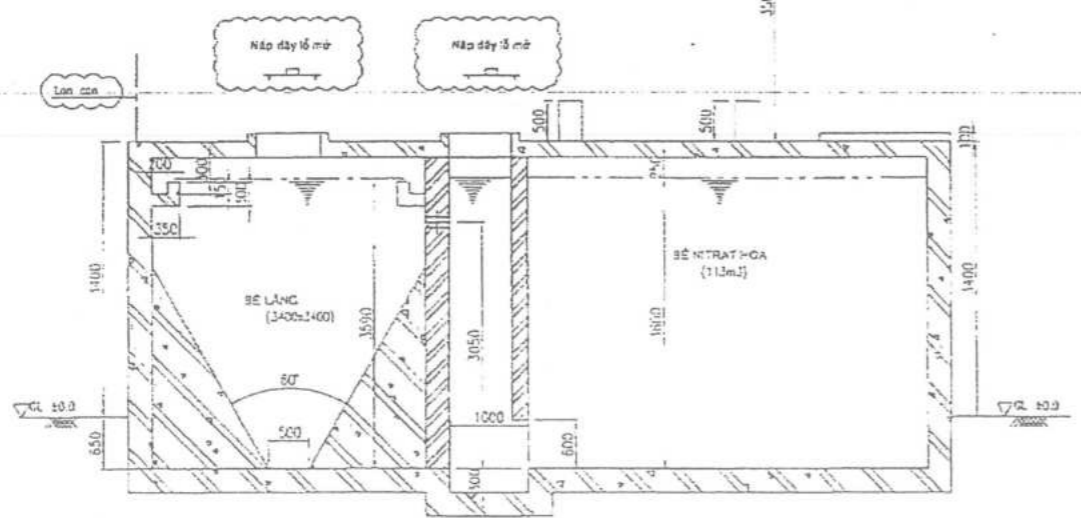
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập <i>Cleese</i> Trương Phước Quyền	Chỉ huy trưởng công trình <i>Ngô Ngọc Chính</i>	Tư vấn giám sát trường (Chủ đầu tư)
--	--	--

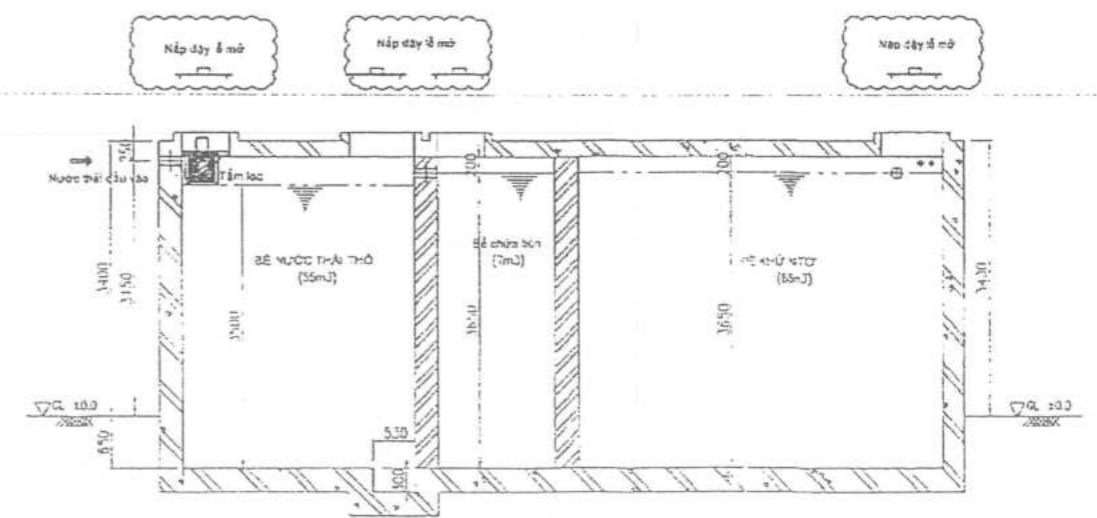
AS BUILT DRAWING
20-DEC-2020
GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO.,LTD.
PLANT DEPARTMENT



SECTION B
1/4



SECTION A
1/4



SECTION C
1/4

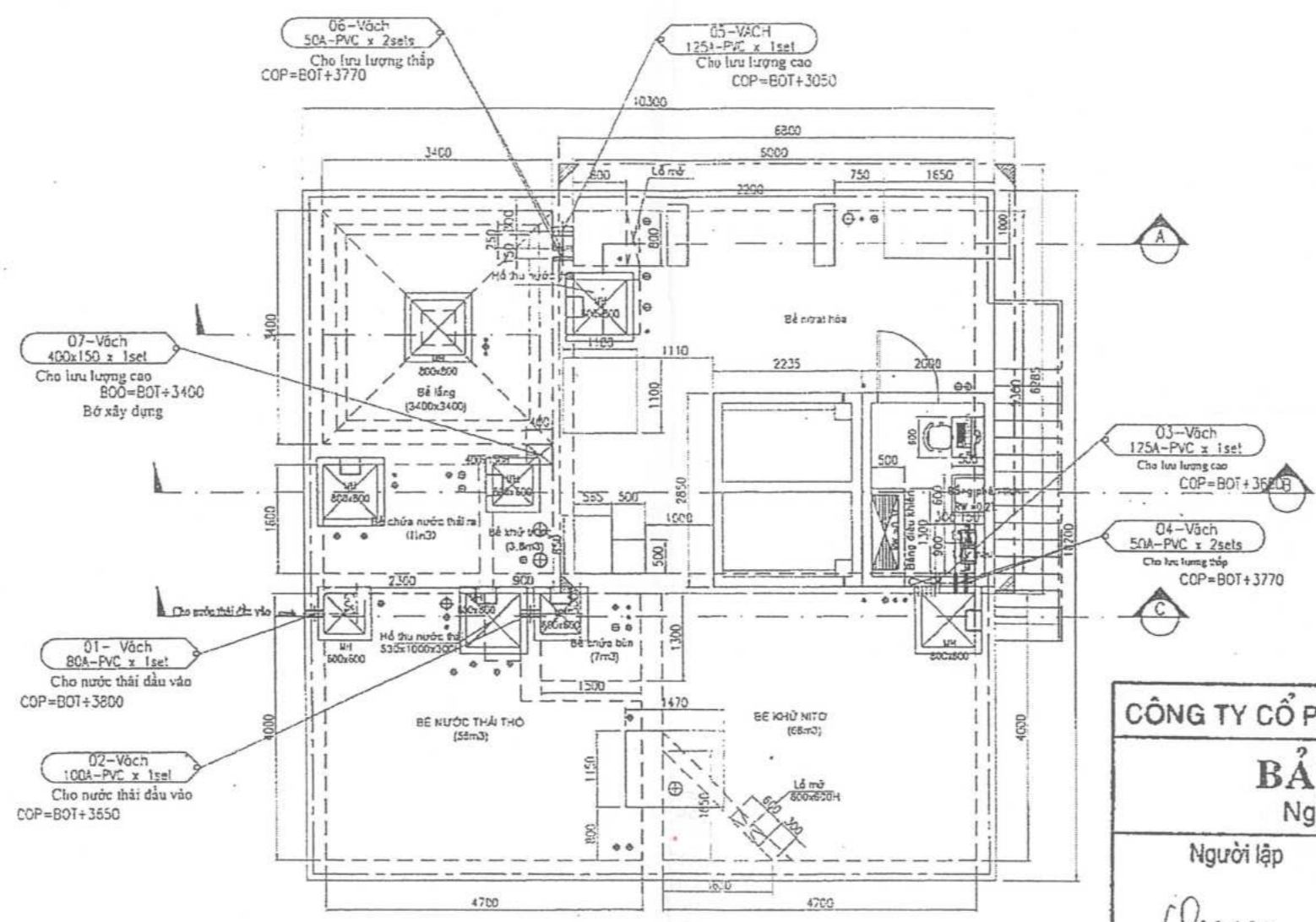
REMARKS
= 2' CML

Revision Record 1 01/10/2020 Issue for as built 00 08/10/2020 First issue for approval Rev. Date Control	Messrs. Mr. Trương Mr. Trương Request By	Project Name NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING JSC HONDA HA NAM	GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO.,LTD. JANGI HEAD OFFICE LOT P1, THANG LONG IP, DONG ANH DIST. HANOI, VIETNAM. Htt://www.goshukohsan.com.vn	Designer Đ. X. TRƯƠNG Check T. X. THANH Approved N. V.	Dwg. Date 09/10/2020 Issued Date 09/10/2020 Drawn By N. V.	Item DOMESTIC WASTEWATER TREATMENT PLANT Dwg. Title LAYOUT Dwg. Date 20/12-2020	Rev. No 00 Size A4 Scale 1:50
---	---	--	--	---	---	--	--

AS BUILT DRAWING
20-DEC-2020
GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO.,LTD.
PLANT DEPARTMENT



Ghi chú:
COP= Tâm của ống
BOP= Đáy ống
BOT= Đáy của bể
BOO= Đáy lỗ mở
*ÔNG CỎ THỂ DUYCH CHUYEN ± 0.60
Đặt giữa 2 lớp cốt thép

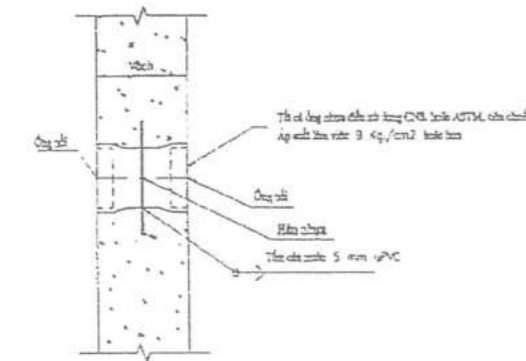
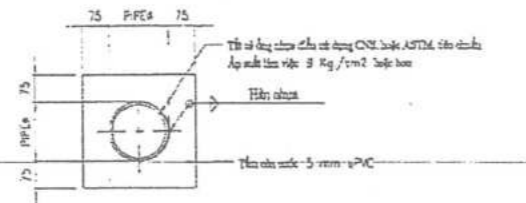


WALL SLEEVE & OPENING LAYOUT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng.....năm 20.....

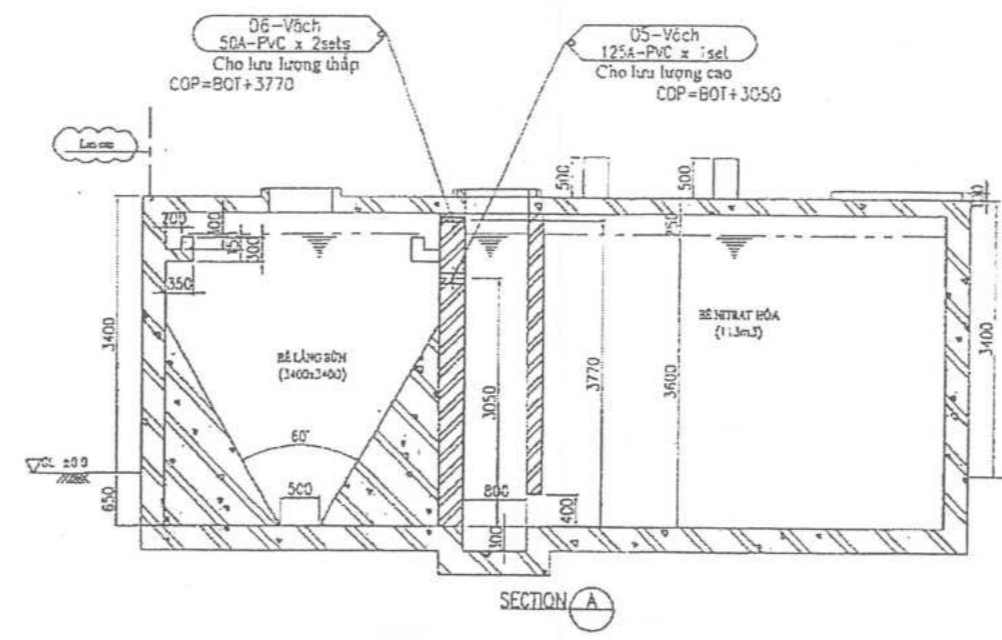
Người lập <i>Trương Thanh Huyền</i>	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Ngọc Chính</i>	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
--	---	--



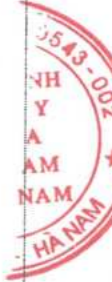
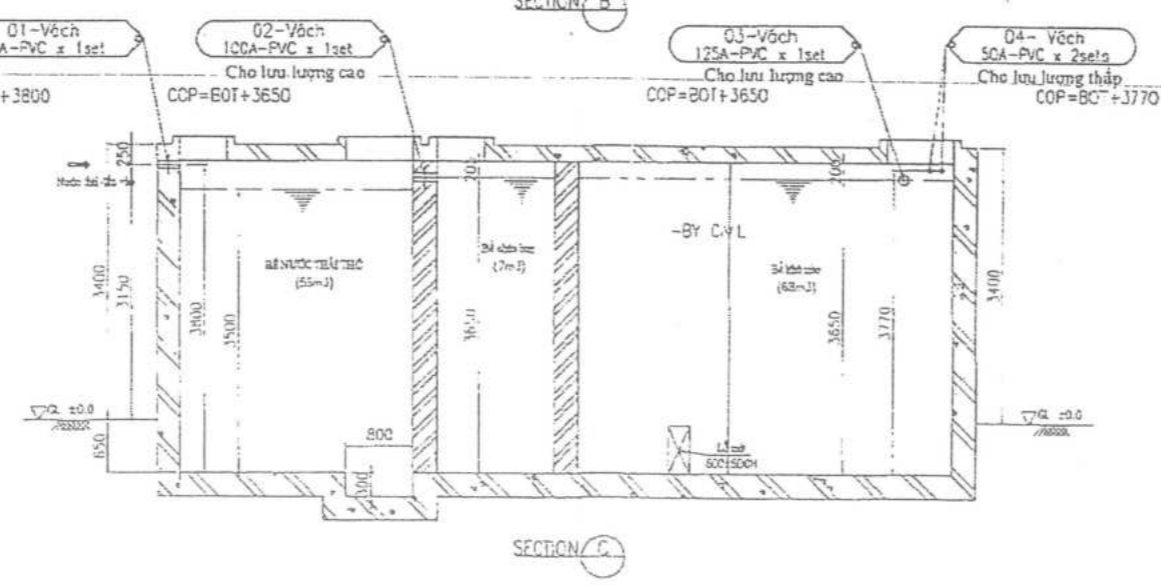
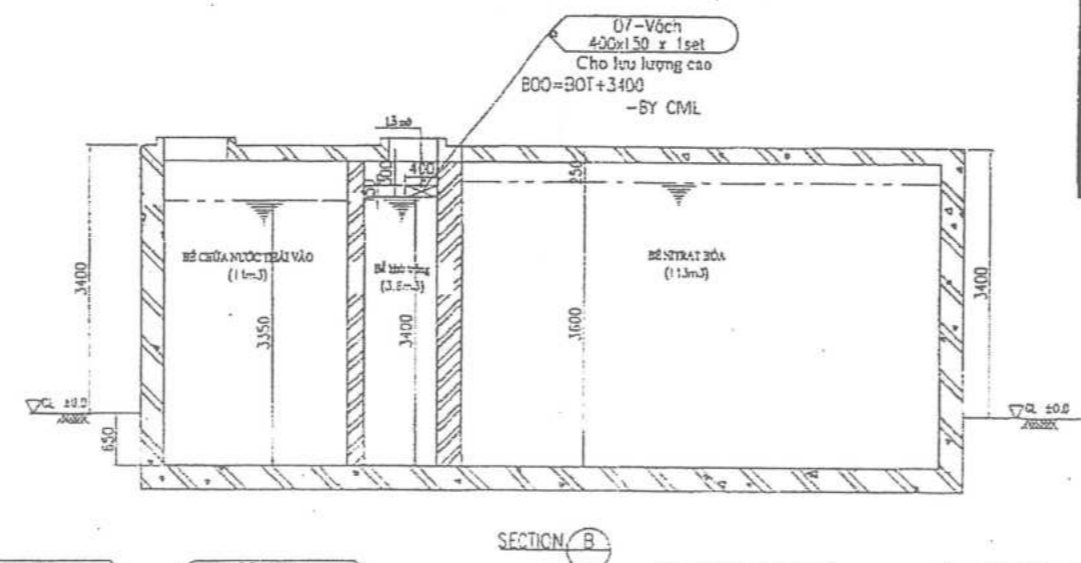
Chi tiết lắp đặt trên vách

Số	Kích thước	Cao độ	Rộng	Mục đích	Tên bể	Ghi chú
01-Vách	80A-PVC x 1set	BOP=BOT+3800	VÁCH=300	Cho nước thải vào	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 1
02-Vách	100A-PVC x 1set	COP=BOT+3650	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước cao	Bể chứa bùn	Xem chi tiết 1
03-Vách	125A-PVC x 1set	COP=BOT+3650	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước cao	Bể khử mùi	Xem chi tiết 1
04-Vách	50A-PVC x 2sets	COP=BOT+3770	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước thấp	Bể khử mùi	Xem chi tiết 1
05-Vách	125A-PVC x 1set	COP=BOT+3050	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước cao	Bể nước hóa	Xem chi tiết 1
06-Vách	50A-PVC x 2sets	COP=BOT+3770	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước thấp	Bể nước hóa	Xem chi tiết 1
07-Vách	400x150 x 1set	BOO=BOT+3400	VÁCH=300	Cho lưu lượng nước cao	Bể lắng bùn	Bố trí công

AS BUILT DRAWING
 08-OTC-2020
 GOSHU KOHSAN (VIET NAM) CO.,LTD.
 PLANT DEPARTMENT



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Người lập <i>Cleee</i> Trương Thanh Duy	Chỉ huy trưởng công trình <i>Ng</i> Ng Ngọc Anh	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)



Revision Record	Notes	Project Name	GOSHU KOHSAN (VIETNAM) CO.,LTD.	Designer	0.X.TP-CNC	Draw Date	10/2020	Item	DOMESTIC WASTEWATER TREATMENT PLANT	Rev. No	00
01 20/10/2020	Issue for as built	NSN CONSTRUCTION&ENGINEERING JSC	HANOI HEAD OFFICE LOT P1, TRANG LONG IP, DONG ANH DIST, HANOI, VIETNAM http://www.goshukohsan.com.vn	Check	T.X.THANH	Issued Date		Draw Title	WALL SLEEVE&OPENING SECTION LAYOUT	Scale	NO:1
02 08/09/2020	First issue for approval	HONDA HA NAM		Approved		Drawn By	T.C. KHANH	Job No		Draw Code	OMWTP-UF-106



AS BUILT DRAWING
20-DEC-2020
GOSHU KOHSAN (VIET NAM) CO., LTD.
PLANT DEPARTMENT

Danh sách mằng xông

Mằng xông_Số	Mằng xông_kích thước	Cao độ	Chiều dài	Mục đích	Tên bể	Ghi chú
01-Sàn	80A-PVC x4sets	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bơm và quay lại	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
02-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp suất	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
03-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho LC	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
04-Sàn	150A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho nước rửa mắt từ lọc cát	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
05-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho nước quay lại từ bể nước thải đầu vào	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
06-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho khí đầu vào	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
07-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lưu lượng nước thấp	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
08-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lỗ thông khí	Bể nước thải thô	Xem chi tiết 2
09-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lỗ thông khí	Bể chứa bùn	Xem chi tiết 3
10-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lực hút bơm	Bể chứa bùn	Xem chi tiết 2
11-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho khí đầu vào	Bể chứa bùn	Xem chi tiết 2
12-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bùn quay lại	Bể chứa bùn	Xem chi tiết 2
13-Sàn	200A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bể điều chỉnh lưu lượng	Bể khử nitơ	Xem chi tiết 2
14-Sàn	25A-PVC x2sets	BOP=TOT+50	Sàn+100mm	Cho công	Khu vực máy móc	Xem chi tiết 1
15-Sàn	50A-PVC x2sets	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho công	Khu vực máy móc	Xem chi tiết 2
16-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực đầu vào	Bể khử nitơ	Xem chi tiết 2
17-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho ORP	Bể khử nitơ	Xem chi tiết 2
18-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho máy đầu vào	Bể khử nitơ	Xem chi tiết 2
19-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho PH và DO	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
20-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho khí đầu vào	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
21-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho khí đầu vào	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
22-Sàn	150A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lỗ thông gió	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 3
23-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho nước công từ bể lọc	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
24-Sàn	80A-PVC x2sets	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bơm và quay lại	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
25-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho máy đầu vào	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
26-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực đầu vào	Bể nitra hóa	Xem chi tiết 2
27-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực đầu vào	Bể lắng bùn	Xem chi tiết 2
28-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bơm	Bể lắng bùn	Xem chi tiết 2
29-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho nước nhà máy đầu vào	Bể lắng bùn	Xem chi tiết 2
30-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho LC	Bể khử khuẩn	Xem chi tiết 2
31-Sàn	200A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực bơm	Bể khử khuẩn	Xem chi tiết 2
32-Sàn	80A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho lực nước	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2
33-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực bơm	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2
34-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho áp lực nước đầu vào	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2
35-Sàn	100A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho LC	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2
36-Sàn	80A-PVC x2sets	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho bơm	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2
37-Sàn	50A-PVC x1set	BOT+3850	Sàn+100mm	Cho nước rửa từ bể nước thải	Bể nước thải đầu vào	Xem chi tiết 2

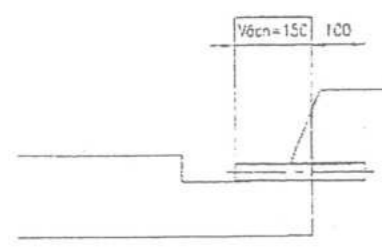
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

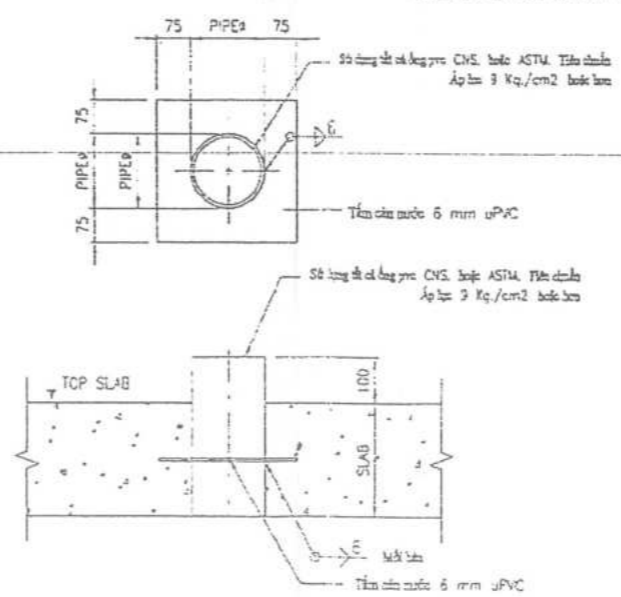
Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chỉ huy trưởng công trình
Tư vấn giám sát trường (Chủ đầu tư)

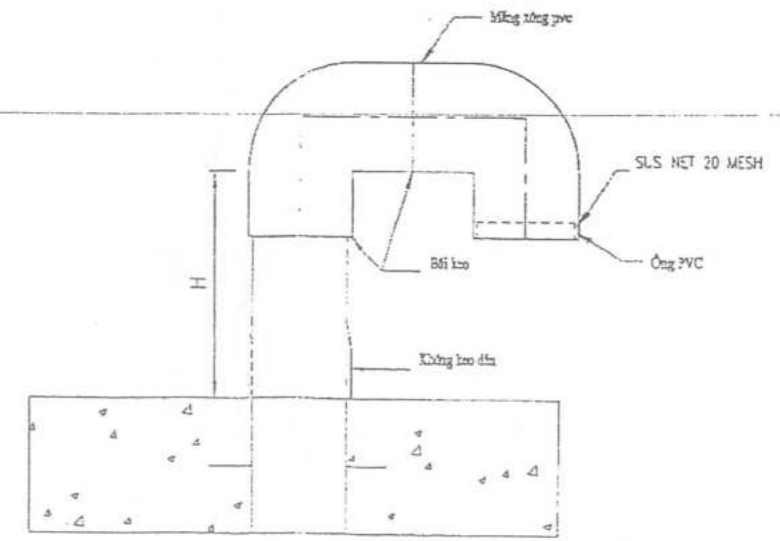
Nguyễn Ngọc Anh
Nguyễn Ngọc Anh



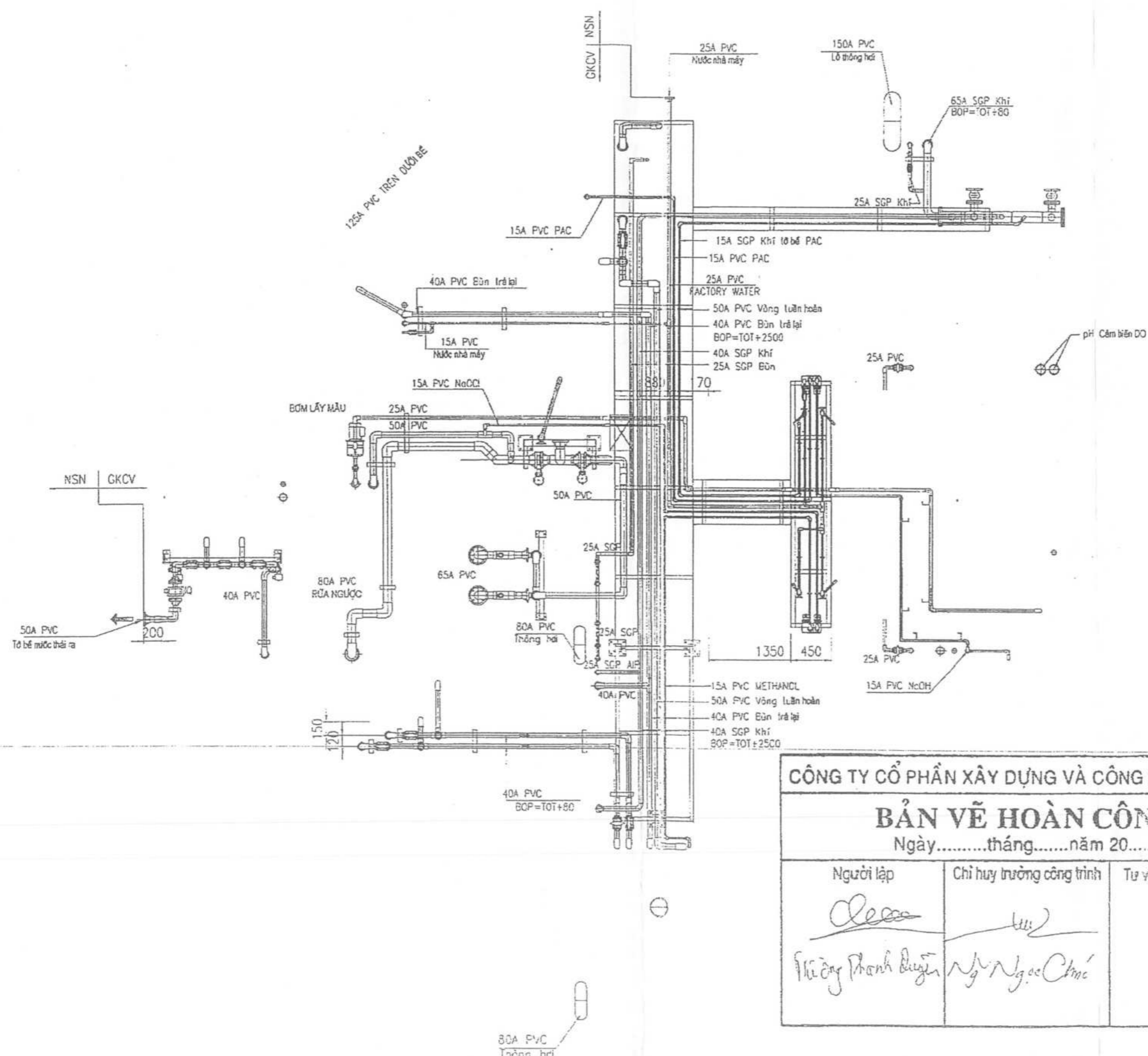
WALL SLEEVE INSTALLATION DETAIL(1)
1-10



SLAB SLEEVE INSTALLATION DETAIL(2)
1-5



AIR VENT DETAIL(3)
1-10



HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
CÔNG TY
HONDA
VIỆT NAM
TẠI HÀ NAM
DUY TIÊN - HÀ NAM

LOCATION:
KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN I MỞ RỘNG
THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

THẦU CHÍNH (MAIN CONTRACTOR)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING COMPANY

SỐ 11, NGÕ 89, PHỐ KHÍ QUANG THƯƠNG
PHƯỜNG VIỆT HƯNG, QUẬN LONG BẾN, TP HÀ NỘI
NO 11, LANE 89, KHU QUANG THƯƠNG STR
VIỆT HƯNG WARD, LONG BẾN DIST, HÀ NỘI CITY

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT TẠI KÝ TỨC XÃ NHÂN VIÊN TẠI HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:
KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN I MỞ RỘNG
THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR
THẠCH HOÀNG NGỌC

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER
NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:
NGO TIẾN THÀNH

KIỂM TRA / CHECKED BY:
KIM LÊ VIỆT THẮNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

GHI CHÚ / NOTE

NGÀY / DATE: 01/08/2020
CẢNH SỬA / REVISION: Δ REV 0

TỶ LỆ / SCALE: KÍ HIỆU BẢN VẼ / DWG. NO

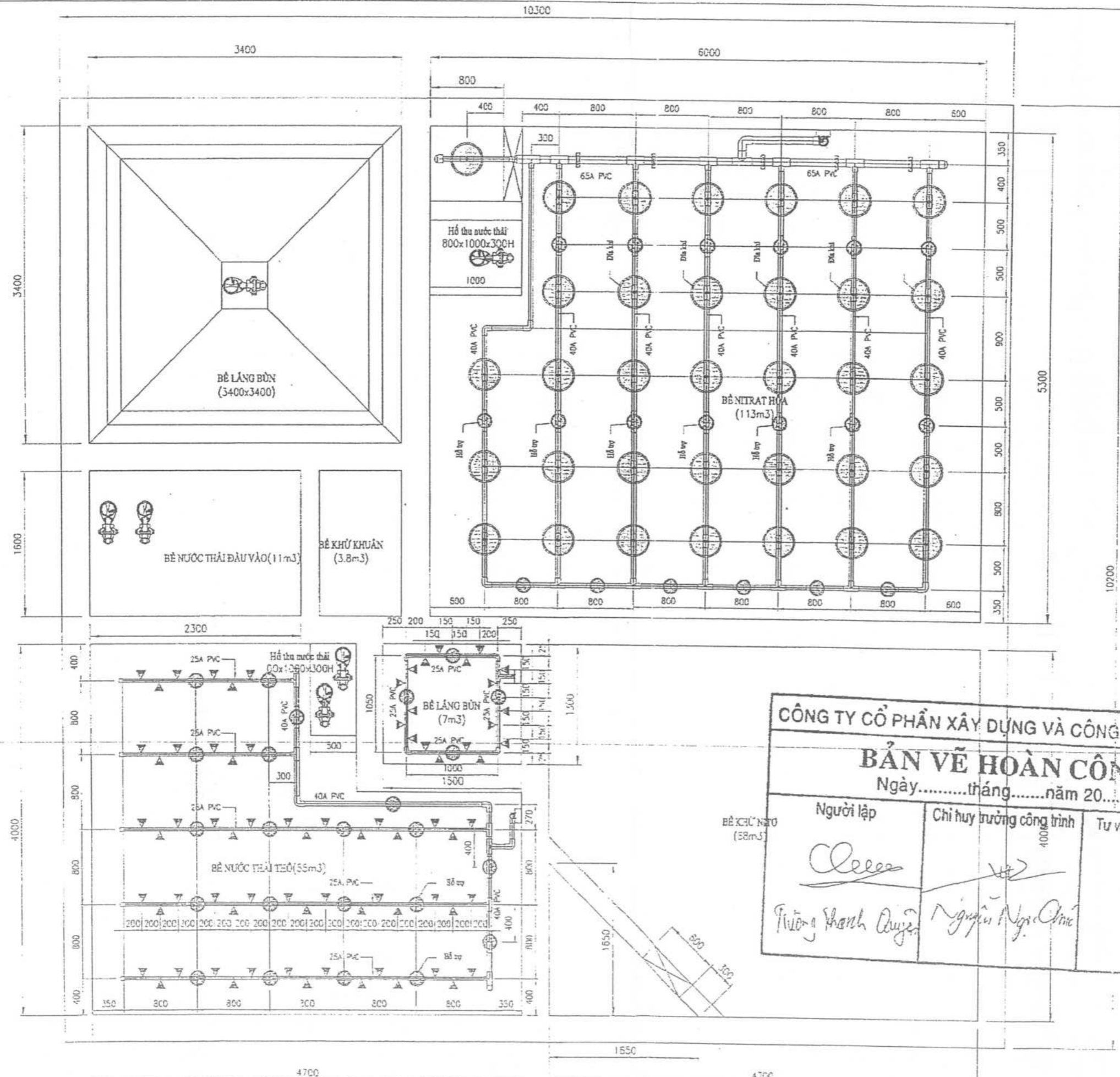
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập <i>Nguyễn Thanh Dương</i> Nguyễn Thanh Dương	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Ngọc Chính</i> Nguyễn Ngọc Chính	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
--	--	--

1:1 24 0 11 11



HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM



THẦU CHỦ NH (MAIN CONTRACTOR)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING S. COMPANY

SỐ 11, NGÕ 09, PHỐ KIM QUANG THƯỢNG
PHƯỜNG VỊNH HƯNG, QUẬN LONG BIÊN, TP HÀ NỘI
NO 11, LAKE 09, KIM QUANG THƯỢNG STR
VỊNH HƯNG WARD, LONG BIÊN DIST, HÀ NỘI CITY

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT TẠI KỶ TỨC XÃ NHÂN VIÊN TẠI HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN (MỞ RỘNG)
THỊ XÃ DUY TÊN - HÀ NAM

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR

TRẦN HOÀNG NGỌC
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG
THIẾT KẾ / DESIGNED BY

NGUYỄN VĂN THÀNH
KIỂM TRA / CHECKED BY

KIẾM VIẾT THÁNG
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

BẢN VẼ SỐ ĐỒ CÔNG NGHỆ

GH CHÚ / NOTE

NGÀY / DATE	CHỈNH SỬA / REVISION
AUGUST - 2020	Δ REV. 0
	Δ

TỶ LỆ / SCALE: 1:50 BẢNG VẼ / DWG. NO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập <i>Nguyễn Văn Thành</i>	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Ngọc Chính</i>	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
--------------------------------------	---	--

Trần Hoàng Ngọc
Nguyễn Trường Giang
Nguyễn Văn Thành
Nguyễn Ngọc Chính

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM



LOCATION

THẦU CHÍNH (MAIN CONTRACTOR)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING IS COMPANY

611, NGÕ 89, PHỐ KIM QUANG THƯỜNG
PHƯỜNG VIỆT HÙNG, QUẬN LONG BẾN, TP. HÀ NỘI
NO 11, LANE 89, KIM QUANG THƯỜNG STR
VIỆTHUNG WARD, LONG BẾN DIST, HÀ NỘI CITY

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT TẠI KÝ TỨC XÁ NHÂN VIÊN TẠI HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:

KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG VĂN (MỞ RỘNG)
TR. XÁ DUY TIÊN - HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:

THẠCH HOÀNG NGỌC

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER:

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

TH.ẾT KẾ / DESIGNED BY:

NGÔ TIẾN THÀNH

KIỂM TRA / CHECKED BY:

KTS. LÊ VIỆT THẮNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

GHI CHÚ / NOTE

NGÀY / DATE: CHỈNH SỬA / REVISION

AUGUST - 2020 : Δ REV 0

Δ

Δ

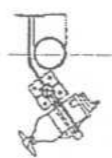
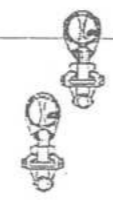
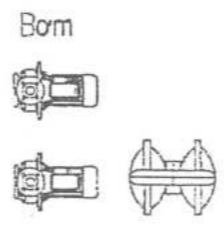
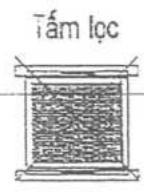
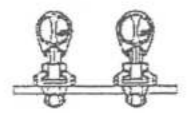
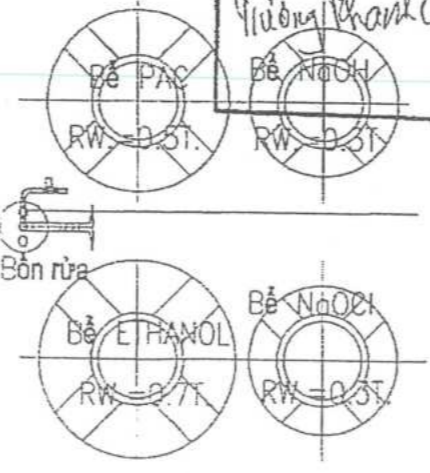
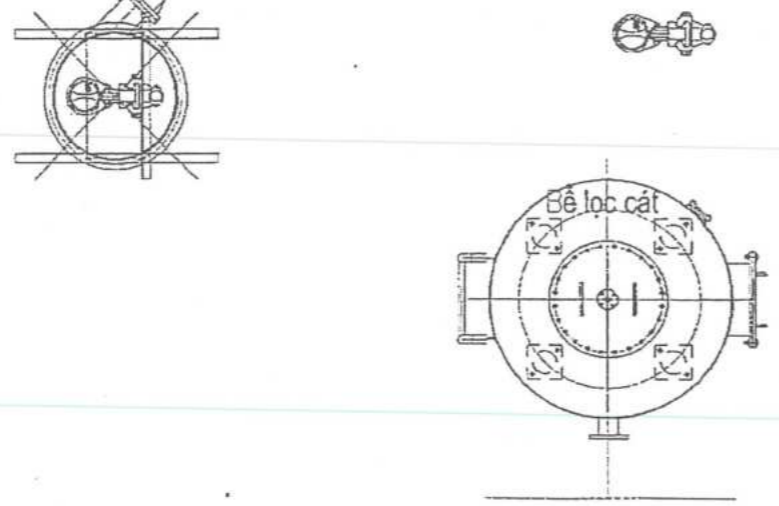
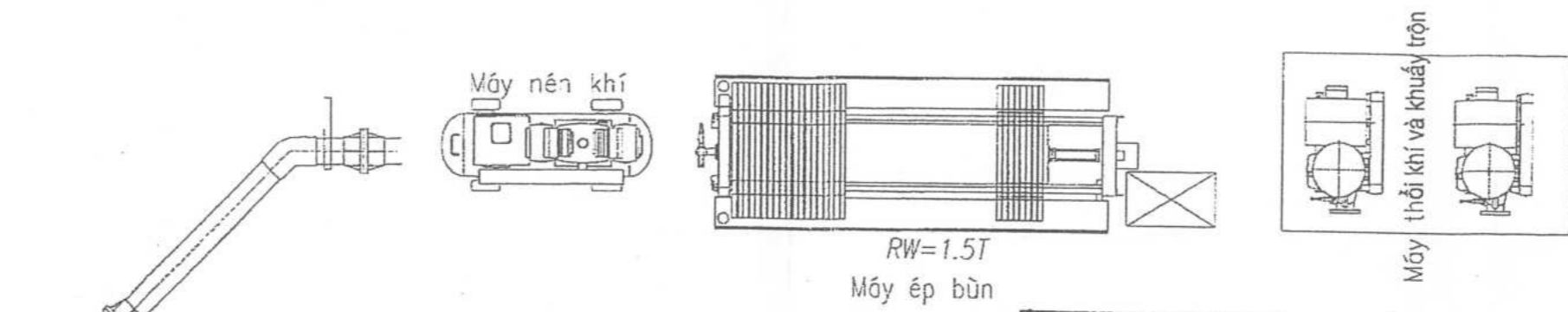
TỶ LỆ / SCALE: 1: HẸU BẢN VẼ / DWG. NO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

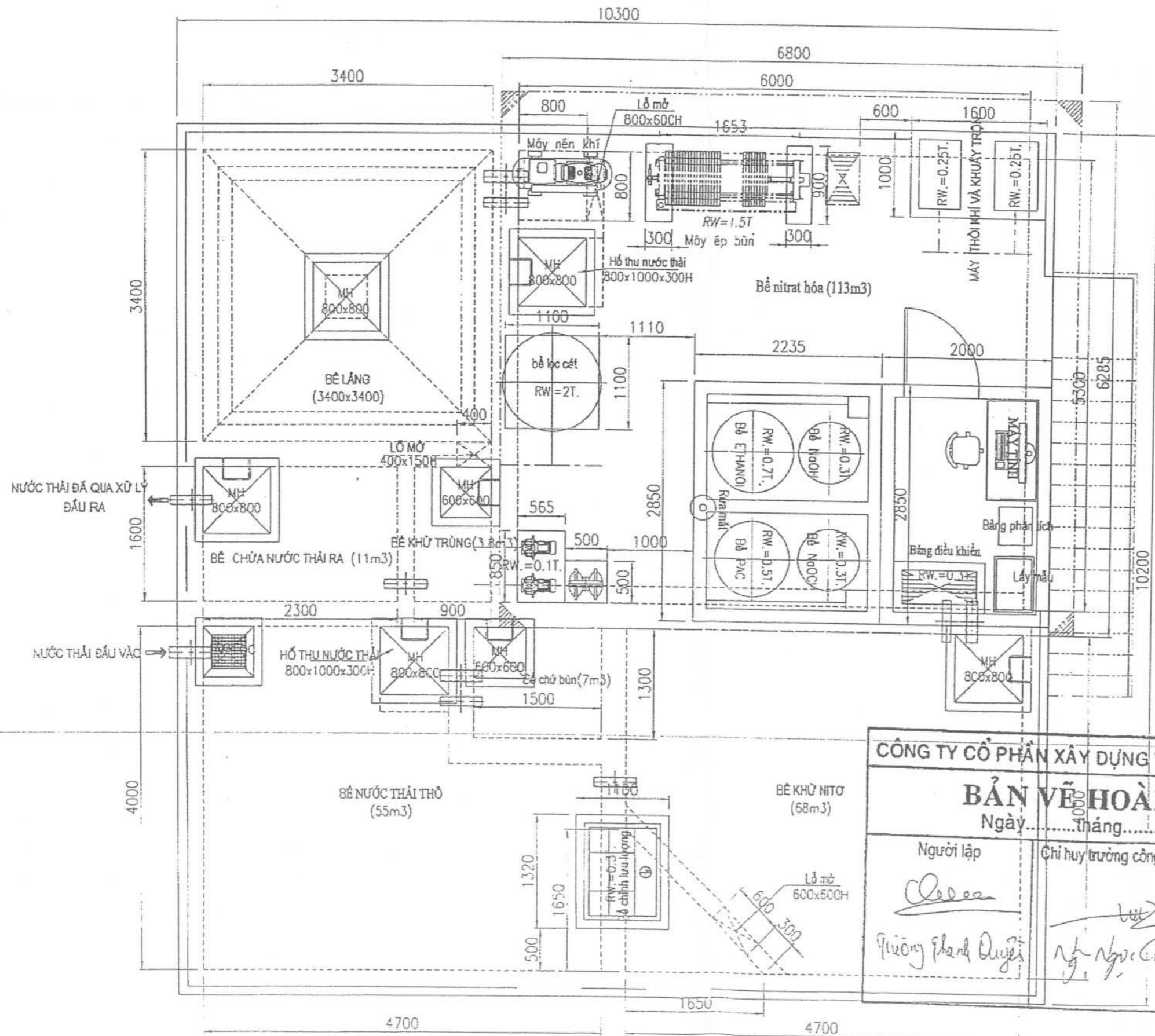
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập <i>Nguyễn Thanh Cường</i> Nguyễn Thanh Cường	Chỉ huy trưởng công trình <i>Nguyễn Ngọc Minh</i> Nguyễn Ngọc Minh	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
--	--	--



Số điều chỉnh lưu lượng	
RW. =0.3T.	
⊖	



HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ
BASIC DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

CHI NIÊN
CÔNG TY
HONDA
VIỆT NAM
TẠI HÀ NAM

LOCATION
KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG VÀN LAM HƯNG
THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

THẦU CHÍNH (MAIN CONTRACTOR)

NSN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING S COMPANY

SỐ 11, NGÕ 89, PHỐ KIM QUANG THƯỢNG
PHƯỜNG VIỆT HƯNG, QUẬN LONG BÊN, TP HÀ NỘI
HO 11, LANE 89, KIM QUANG THƯỢNG STR
VIỆT HUNG WARD, LONG BINH DIST, HÀ NỘI CITY

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
SINH HOẠT TẠI KỶ TỨC XÃ NHÂN VIÊN TẠI HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:
KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG VÀN LAM HƯNG
- THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
THẠCH HOÀNG NGỌC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....năm 20.....

Người lập: *Clara*
Phạm Thanh Quyển

Chỉ huy trưởng công trình: *Ngô Ngọc Chiéc*

Tư vấn giám sát (Chủ đầu tư):

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER:
DƯƠNG THUAN

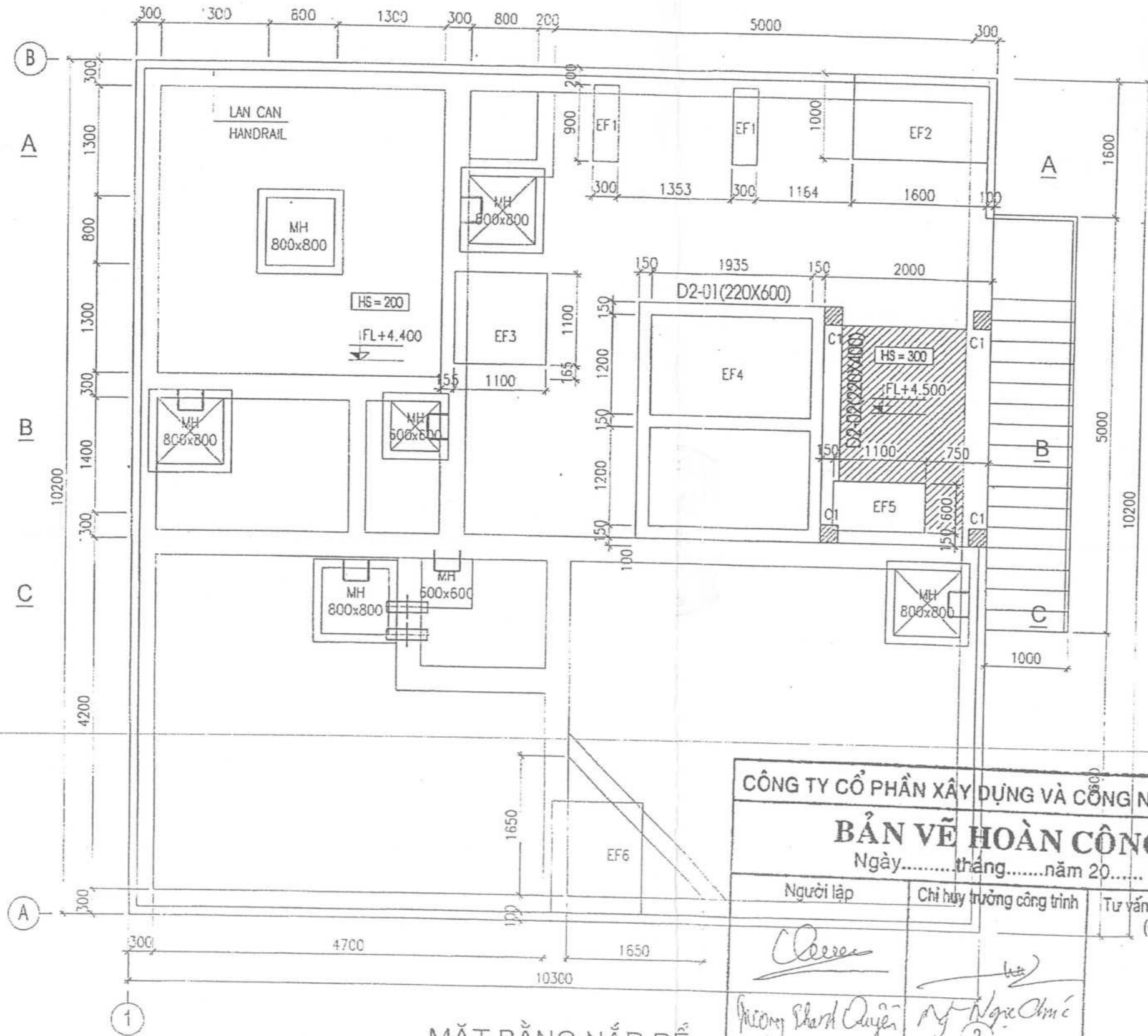
THIẾT KẾ / DESIGNED BY:
NGUYỄN MỆI DƯƠNG

KÈM TRƯ / CHECKED BY:
XUẤT LỆ VỚI THÁNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME:
BẢN VẼ SC DỒ CÔNG NGHỆ

DATE	CHỈNH SỬA / REVISION
AUGUST - 2020	Δ REV. 0
	Δ
	Δ

TỶ LỆ / SCALE: KÍ HIỆU BẢN VẼ / DWG NO



MẶT BẰNG NẮP BỂ
COVER PLAN OF TANK

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng (Chủ đầu tư)
<i>Nguyễn Thanh Quyết</i>	<i>Nguyễn Ngọc Chính</i>	

HỒ SƠ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
TECHNICAL DRAWING

CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)

CÔNG TY HONDA VIỆT NAM
 CHI NHÁNH CÔNG TY HONDA VIỆT NAM TẠI HÀ NAM
 M.S.C.N. 033.002
 ĐƯỜNG SỐ 11, NGŨ HƯNG, QUẬN LONG BẾN, TP. HÀ NỘI
 THỊ XÃ DUY TÊN - HÀ NAM

THẦU CHÍNH (MAIN CONTRACTOR)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP NSN
 NSN CONSTRUCTION & ENGINEERING JS COMPANY
 SỐ 11, NGŨ HƯNG, PHỐ KIM QUANG THƯỢNG, PHƯỜNG VỆ HƯNG, QUẬN LONG BẾN, TP. HÀ NỘI
 NO 11, LANE 89, KIM QUANG THƯỢNG STR, VỆ HƯNG WARD, LONG BINH DIST, HÀ NỘI CITY

CÔNG TRÌNH / PROJECT:
 XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠI TẠI KÝ TỨC XÃ NHÂN VĂN TÊN HÀ NAM

HẠNG MỤC / ITEM:

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION:
 KHU CÔNG NGHIỆP ĐÔNG VĂN I MỞ RỘNG
 - THỊ XÃ DUY TÊN - HÀ NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR:
 THẠCH HOÀNG NGỌC

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ / CHIEF ENGINEER:
 ĐỖ HẢI THUẬN

THIẾT KẾ / DESIGNED BY:
 NGUYỄN VỆ DŨNG

KIỂM TRA / CHECKED BY:
 XTS. LÊ VIỆT THẮNG

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME:
 BẢN VẼ MẶT BẰNG NẮP BỂ

GHI CHÚ / NOTE

NGÀY / DATE	CHỈNH SỬA / REVISION
AUGUST - 2020	Δ REV 0
	Δ
	Δ

TỶ LỆ / SCALE: NTS
 KÝ HIỆU BẢN VẼ / DWG. NO: